



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



VILICO



MỤC LỤC

I.

THÔNG TIN CHUNG 8

1. Thông tin khái quát	10
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	14
4. Định hướng phát triển	16
5. Các rủi ro	18

II.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 26

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
2. Tổ chức và nhân sự	29
3. Tình hình tài chính	30
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	32

III.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 38

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	40
2. Kế hoạch phát triển trong tương lai	41

IV.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 42

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	44
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	46
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47

V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY 48

1. Hội đồng quản trị	50
2. Ban Kiểm soát	54
3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	56
4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2021	56
5. Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty	58

VI.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 60

1. Ý kiến kiểm toán	60
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	62





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn với nền kinh tế Việt Nam khi dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên toàn cầu với những biến chủng mới có khả năng lây lan mạnh như Delta hay Omicron. Việc Chính phủ Việt Nam thực hiện các biện pháp phong tỏa, cách ly nghiêm ngặt tại nhiều các tỉnh thành phía Nam trong đó có TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai cũng như thủ đô Hà Nội trong Quý 3 năm 2021 đã khiến cho tăng trưởng GDP của cả nước lần đầu tiên trong lịch sử có mức tăng trưởng âm 6,17%.

Trong bối cảnh đó, Vilico đã có những giải pháp ứng phó kịp thời trước bối cảnh mới để đạt mục tiêu kép là đảm bảo tăng trưởng đồng thời ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện tuân thủ các quy định về phòng chống dịch. Để thích nghi với trạng thái “bình thường mới” của nền kinh tế trong và sau đại dịch, Hội đồng quản trị Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời, bám sát phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Cùng với nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên, Vilico tiếp tục duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 2.928,3 tỷ đồng tăng 4% so với năm 2020 và lợi nhuận sau thuế là 323,4 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Với chiến lược tái cơ cấu hoạt động công ty và tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là chăn nuôi và sản xuất sữa, Vilico đã và đang từng bước thoái vốn khỏi các công ty liên kết không hiệu quả và tập trung nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con là Công ty Giống Bò sữa Mộc Châu cũng như góp vốn thành lập công ty liên doanh với tập đoàn Sojitz (Nhật Bản) để chuẩn bị cho việc triển khai dự án Trang trại Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Với việc dự kiến hoàn tất sáp nhập GTNfoods vào Vilico trong Quý 1 năm 2022, Vilico sẽ hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo. Với việc các dự án trọng điểm đang được triển khai theo đúng tiến độ, chúng tôi tin tưởng Vilico sẽ duy trì đà phát triển với nền tảng vững chắc trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất sữa trong thời gian tới.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe và an khang thịnh vượng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





I.

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM – CTCP

Địa chỉ:

519 MINH KHAI, PHƯỜNG VĨNH TUY, QUẬN HAI BÀ TRƯNG, HÀ NỘI

Số điện thoại:

024.38626769

Số fax:

024.38623645

Website:

WWW.VILICO.VN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

0100104443 – đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010,
đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29/10/2020.

Mã cổ phiếu (Upcom):

VLC

Vốn điều lệ:

631.010.000.000 ĐỒNG

2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ NỀN TẢNG

TẦM NHÌN



Vilico định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng; phát triển cùng với các cộng đồng mà Vilico đang tham gia, để bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.

SỨ MỆNH



Vilico tập trung trong việc đổi mới sản phẩm và nỗ lực mang đến các sản phẩm sạch có chất lượng, vì sức khỏe cộng đồng; khẳng định giá trị và phát triển các thương hiệu lâu đời của Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.



VILICO

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

THÂN THIỆN

Giữ gìn và bảo tồn các vùng nguyên liệu, an toàn với người sản xuất và môi trường, tạo ra các sản phẩm tốt cho sức khỏe.

PHÁT TRIỂN

Không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng để mang tới những sản phẩm tốt nhất tới cộng đồng, hướng tới mục tiêu đưa các sản phẩm thực phẩm sạch Việt Nam đến thị trường Quốc tế.

SẺ CHIA

Quan tâm, thấu hiểu các lợi ích của cộng đồng, người lao động và khách hàng; tâm huyết và có trách nhiệm trong mọi hoạt động góp phần phát triển nền kinh tế và các chương trình an sinh xã hội.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

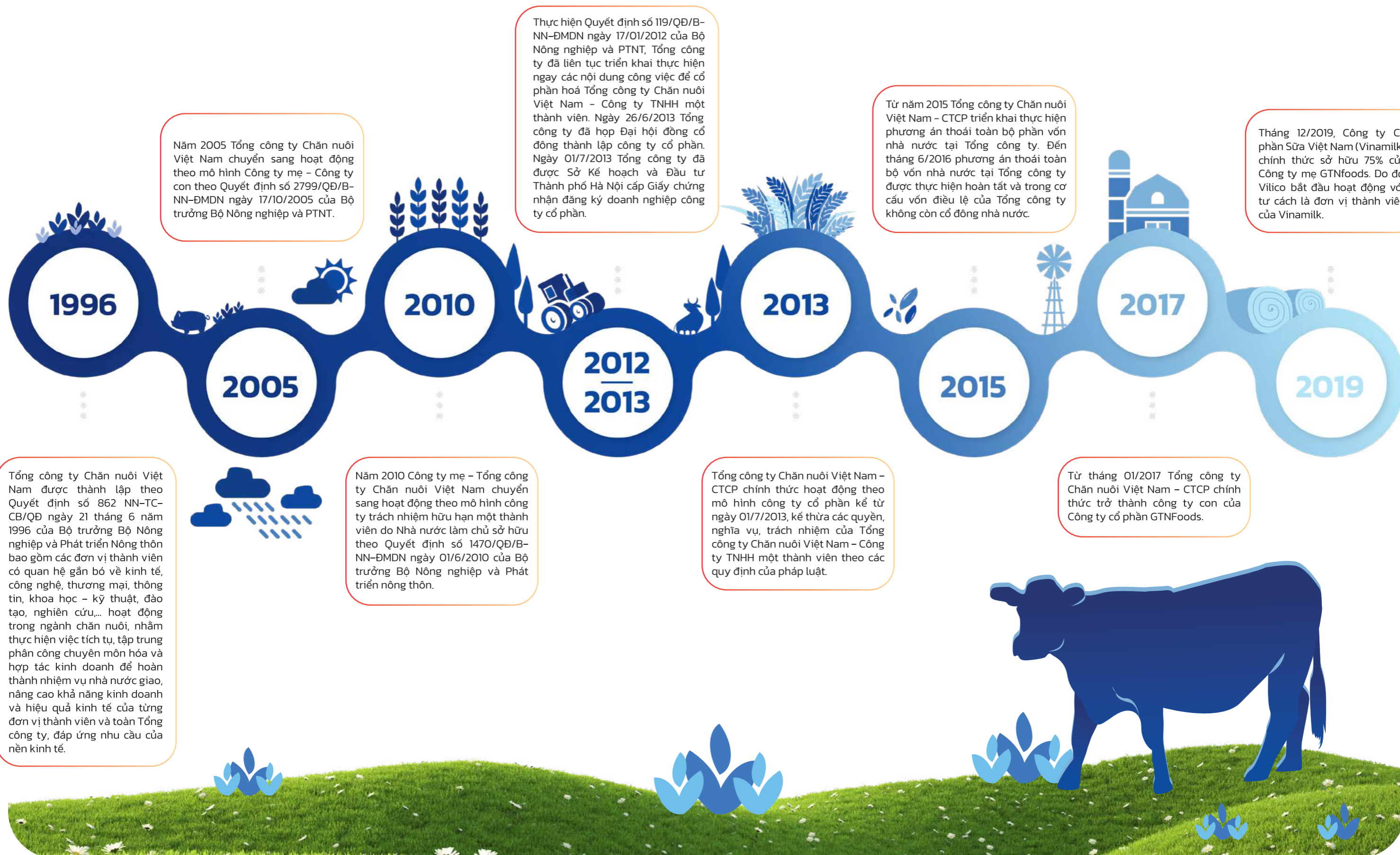
Đối với khách hàng:
Chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu.

Đối với nhân viên:
Đời sống của nhân viên là trách nhiệm ưu tiên.

Đối với các cổ đông:
Đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.

Đối với xã hội:
Thành quả của doanh nghiệp luôn gắn kết với cộng đồng.

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ

Các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:



1 Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò



Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn



3 Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

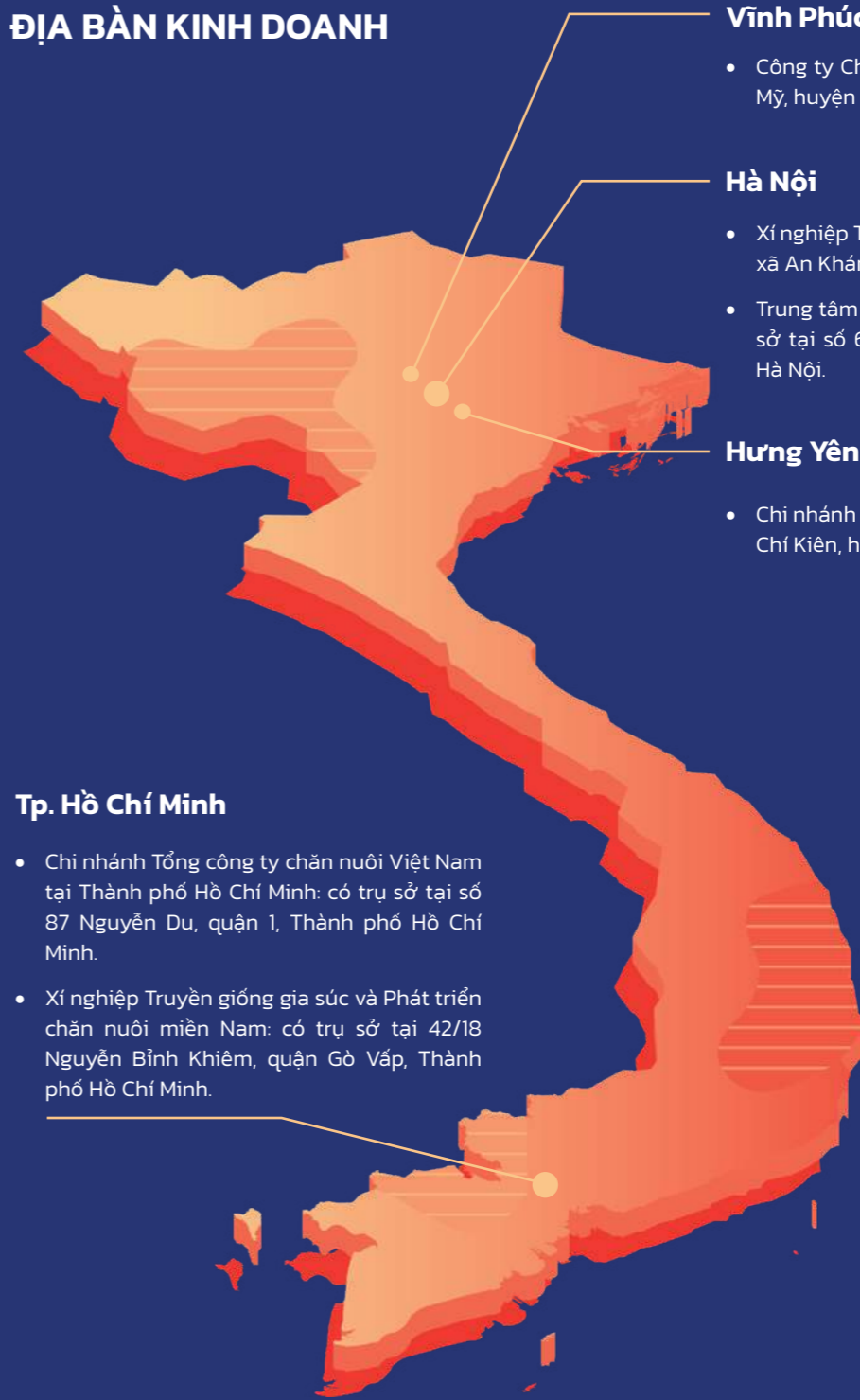


5 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Vĩnh Phúc

- Công ty Chăn nuôi Tam Đảo: có trụ sở tại xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hà Nội

- Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi An Khánh: có trụ sở tại xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Trung tâm Thương mại và Thiết bị tổng hợp: có trụ sở tại số 6 Nguyễn Công Trứ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hưng Yên

- Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn: có trụ sở tại xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

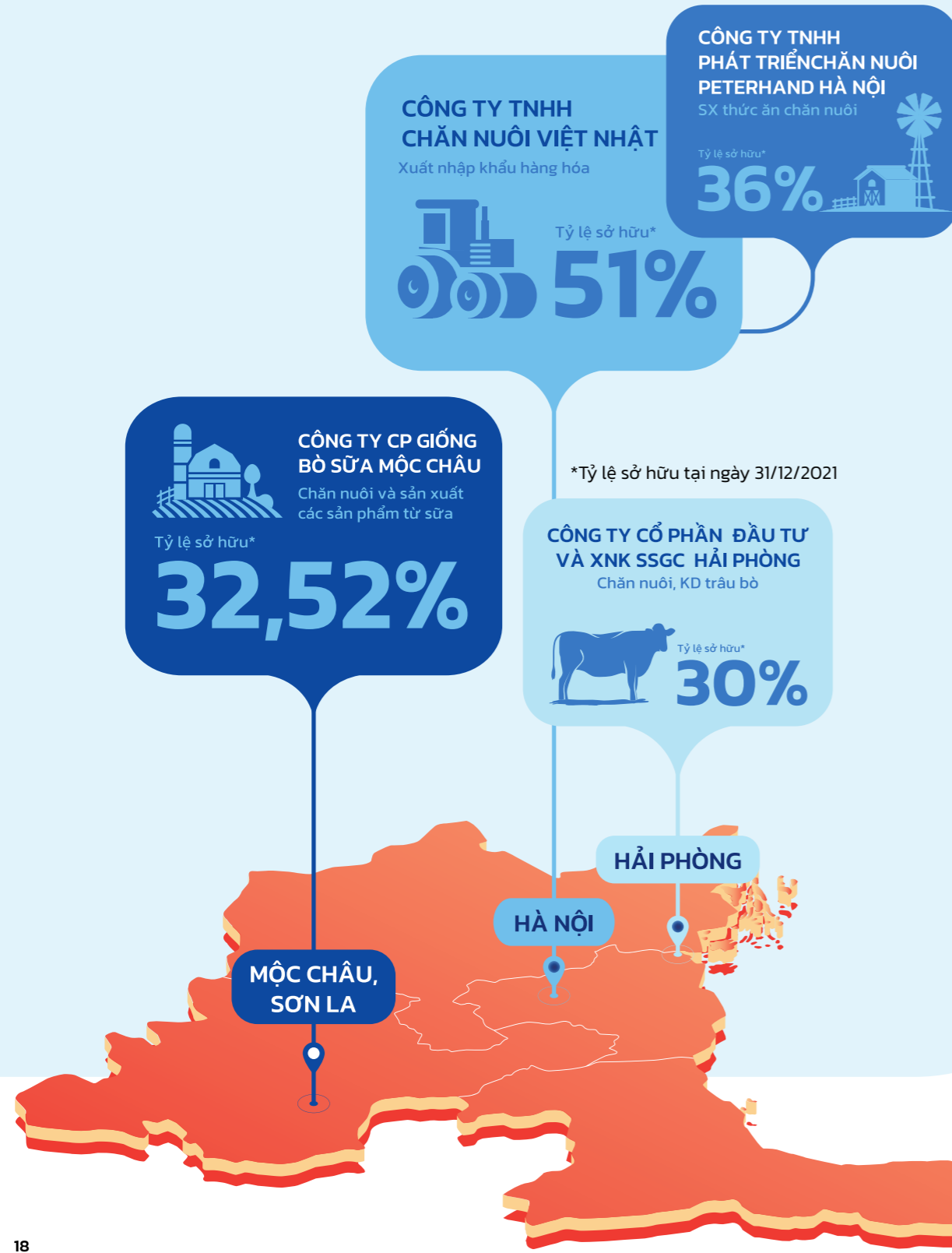
Tp. Hồ Chí Minh

- Chi nhánh Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh: có trụ sở tại số 87 Nguyễn Du, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Xí nghiệp Truyền giống gia súc và Phát triển chăn nuôi miền Nam: có trụ sở tại 42/18 Nguyễn Bình Khiêm, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

5.1. MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Hiện mô hình sở hữu của Công ty bao gồm 2 công ty con và 2 công ty liên kết, cụ thể như sau:



5.2. BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ MAI KIỀU LIÊN Chủ tịch HĐQT

- **Trình độ chuyên môn**
- Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Liên bang Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Tháng 02 năm 2020, bà được bầu làm Chủ tịch HĐQT của Vilico.
- Bà có hơn 29 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc Vinamilk (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như: Anh Hùng Lao Động thời kỳ Đổi Mới (2006), Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 - 2015); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà; giải thưởng "Thành tựu trọn đời" do Forbes lần đầu vinh danh (2018).
- Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 - 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật - nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Chủ tịch HĐQT, Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Miraka Limited.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần GTNfoods.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Del Monte-Vinamilk Dairy Philippines, Inc.
- Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH Liên Doanh Thực Phẩm và Đồ Uống VibeV.



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG Thành viên HĐQT

- **Trình độ chuyên môn**
- Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).
- **Kinh nghiệm**
- Từ tháng 9 năm 2020, ông được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc của Vilico.
- Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu của Vinamilk.
- Trong 10 năm tại Vinamilk (2005 - 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện trong 6 năm (1998 - 2005).
- Từ năm 1987 đến năm 1998, ông từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk).
- Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống nhất, Thanh Hóa.
- Thành viên HĐQT, Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần GTNfoods.
- Thành viên HĐQT, Công ty CP Giống Bò Sữa Mộc Châu.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật.



ÔNG TRẦN CHÍ SƠN Thành viên HĐQT

- **Trình độ chuyên môn**
- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM (năm 1998).
- Chứng chỉ kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc.
- Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ cổ đông (ICIR), Hiệp hội Quan hệ cổ đông Anh Quốc và Singapore.
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 2 năm 2020, ông được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT của Vilico.
- Từ năm tháng 6/2016 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính Vinamilk. Ngoài ra, ông đã và đang phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư của Vinamilk từ hơn 10 năm nay.
- Hơn 11 năm công tác (2005 - 2016) tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR).

- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như chuyên viên phân tích tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng.
- Phó Tổng Giám Đốc, Công ty cổ phần GTNfoods.
- Thành viên HĐQT Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA Phó Tổng Giám Đốc

- **Trình độ chuyên môn**
 - Kỹ sư Tự động hóa dây chuyền sản xuất.
- **Kinh nghiệm**
 - Từ tháng 12 năm 2014 đến nay, ông được bổ nhiệm chức Giám Đốc Kỹ Thuật của công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam và duy trì vị trí đó đến nay.
 - Từ năm 2012 đến 2014, ông là Quản đốc cơ điện của Nhà máy sữa Việt Nam tại Bình Dương.
 - Từ năm 2010 đến 2012, vai trò của ông là Chuyên viên điều phối Dự án tại Phòng Dự án trực thuộc Công ty CP sữa Việt Nam.
 - Từ năm 2007 đến 2010, ông đảm nhiệm vị trí Kỹ sư cơ điện tại Nhà máy sữa Thống Nhất, Tp. HCM.
- **Chức vụ tại các tổ chức khác**
 - Thành viên Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật



ÔNG LÊ HUY BÍCH Giám Đốc Tài chính

- **Trình độ chuyên môn**
 - Cử nhân, Chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại Thương (năm 2011).
 - Thạc Sĩ, Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2014).
 - Thạc Sĩ, Chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2016).
- **Kinh nghiệm**
 - Từ tháng 1 năm 2020, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam, Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu và Công ty Cổ phần GTNfoods.
 - Từ năm 2016 tới nay, tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau trong bộ phận Tài Chính.
 - Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã có kinh nghiệm Kiểm toán tại Công ty TNHH PwC Việt Nam.
- **Chức vụ tại các tổ chức khác**
 - Giám đốc tài chính Công ty cổ phần GTNfoods.
 - Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu.
 - Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTEP.
 - Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội.
 - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng.



BÀ HOÀNG THỊ HÀ Quyền Kế toán trưởng

- **Trình độ chuyên môn**
 - Cử nhân Kinh tế, Học viện Tài chính kế toán.
 - Chứng chỉ kế toán trưởng do Trường Đại học Quản trị kinh doanh cấp.
- **Kinh nghiệm**
 - Bà Hà có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán.
 - Đầu năm 2021, Bà được bổ nhiệm giữ chức Quyền Kế toán trưởng của Vilico.
 - Năm 2017, bà bắt đầu công tác tại Vilico và đảm nhận các chức vụ Phó phòng TCKT, Kế toán trưởng Xí nghiệp thức ăn chăn nuôi An Khánh, Kế toán trưởng Trung Tâm thương mại và Thiết Bị Tổng Hợp.
 - Từ năm 2005 đến 2016, bà đã đảm nhận vị trí kế toán tổng hợp tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng 573 và Bệnh viện Giao thông vận tải Trung ương.
- **Chức vụ tại các tổ chức khác**
 - Không.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

6.1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Xây dựng Tổng công ty có cơ cấu hợp lý, hoạt động có hiệu quả, phát triển ổn định, bền vững; không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông. Xây dựng và phát triển, mở rộng thương hiệu của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên.

Tập trung các nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất kinh doanh chủ lực của Tổng công ty, bao gồm:

- **Ngành chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa:** thực hiện tại Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng công ty).
- **Ngành chăn nuôi bò thịt:** đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cấp phép để triển khai dự án bò thịt tại Tam Đảo - Vĩnh Phúc

Tăng cường tích lũy vốn để tập trung đầu tư phát triển vào những lĩnh vực, ngành hàng có triển vọng và mang tính chiến lược.

01

02

03

04

6.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty con và các công ty liên kết gắn kết với Tổng công ty thông qua góp vốn đầu tư, công nghệ, thương hiệu, uy tín và thị trường để từng bước hình thành các ngành sản xuất chính: chăn nuôi bò sữa, bò thịt; đồng thời có gắn với giết mổ, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu.

Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực được giao; hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khai thác tốt hơn, hiệu quả hơn các tiềm năng thế mạnh sẵn có, lợi thế của Tổng công ty và các đơn vị về đất đai, vị trí địa lý, thương hiệu, sản phẩm.

7. QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của Tổng Công ty. Vilico là Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, khi có dịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất chăn nuôi của Tổng công ty. Ngoài ra, những lo ngại về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng dẫn đến sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thực phẩm gia súc, gia cầm giảm theo. Rõ ràng, để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, chăn nuôi trang trại, công nghiệp là xu thế tất yếu của phát triển ngành chăn nuôi trong tương lai. Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách tối đa.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường xã hội của công ty

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, Vilico tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hoạt động với việc thoái toàn bộ vốn khỏi một công ty liên kết là Công ty cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung, tăng vốn đầu tư tại công ty con là Mộc Châu Milk và tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Kết quả kinh doanh năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2020	THAY ĐỔI (%)
Doanh thu thuần	2.928,3	2.825,8	3,6%
Lợi nhuận gộp	899,5	889,5	1,1%
Lợi nhuận thuần sau thuế	323	308	5,1%
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	112	170	-34,3%

Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021 so với kế hoạch

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2021	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
1	Doanh thu thuần	7	3,58	51,1%
2	Lợi nhuận trước thuế	119	94,4	79,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	113	92,6	81,9%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư năng lượng và tự động hóa

Số cổ phần sở hữu 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thông tin chi tiết xem tại trang 23



ÔNG LÊ HUY BÍCH

Giám Đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn:
Tài chính

Số cổ phần sở hữu 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thông tin chi tiết xem tại trang 25



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Tự động hóa dây chuyền sản xuất

Số cổ phần sở hữu 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thông tin chi tiết xem tại trang 24



BÀ HOÀNG THỊ HÀ

Quyền Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:
Kế toán

Số cổ phần sở hữu 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

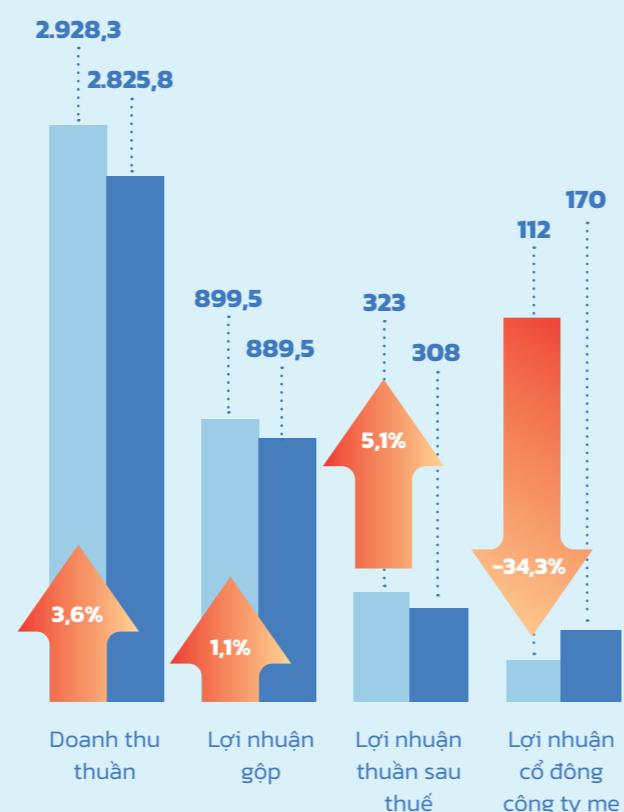
Thông tin chi tiết xem tại trang 25

1.1. VỀ DOANH THU HỢP NHẤT

Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt 2.928,3 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2020, chủ yếu nhờ sự cải thiện về doanh thu hợp nhất từ công ty con là Mộc Châu Milk. Doanh thu thuần Mộc Châu Milk đạt 2.925 tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2020.

1.2. VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

Năm 2021, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất đạt lần lượt 360 tỷ đồng và 323 tỷ đồng, tăng lần lượt 10,4% và 5,1% so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng tốt hơn so với mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ doanh thu tài chính được cải thiện đáng kể: đạt 125,3 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ.



2.2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

KHÔNG CÓ THAY ĐỔI NÀO TRONG NĂM 2021

2.3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (BAO GỒM CẢ CÔNG TY CON)

842 NGƯỜI (TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2021)

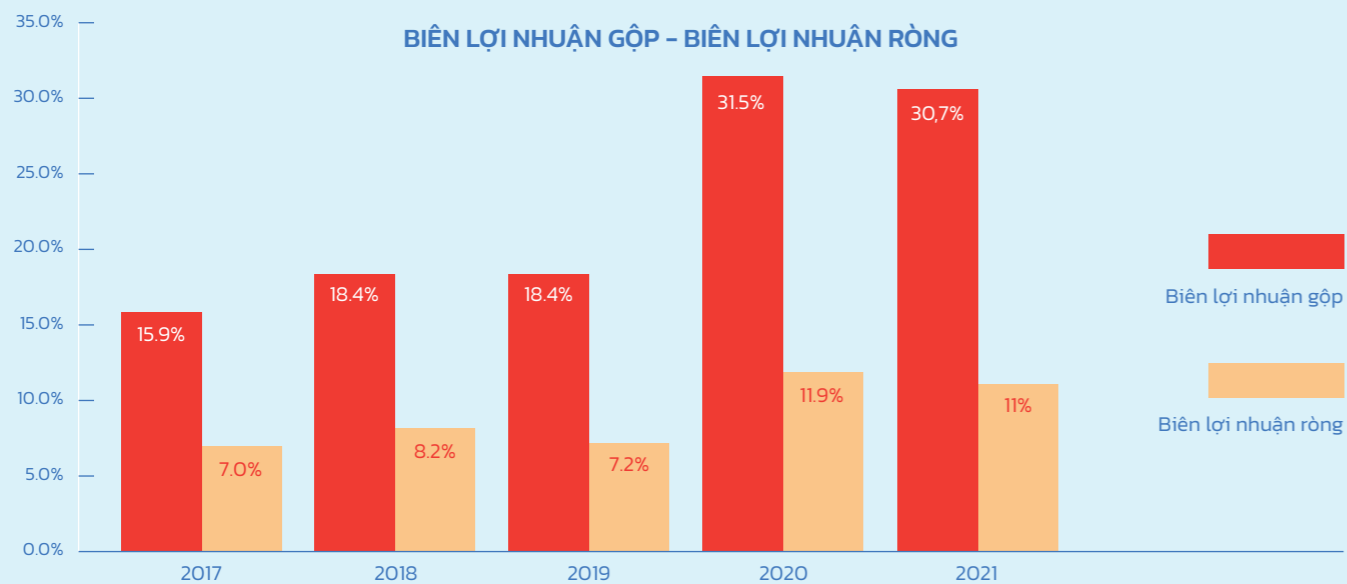
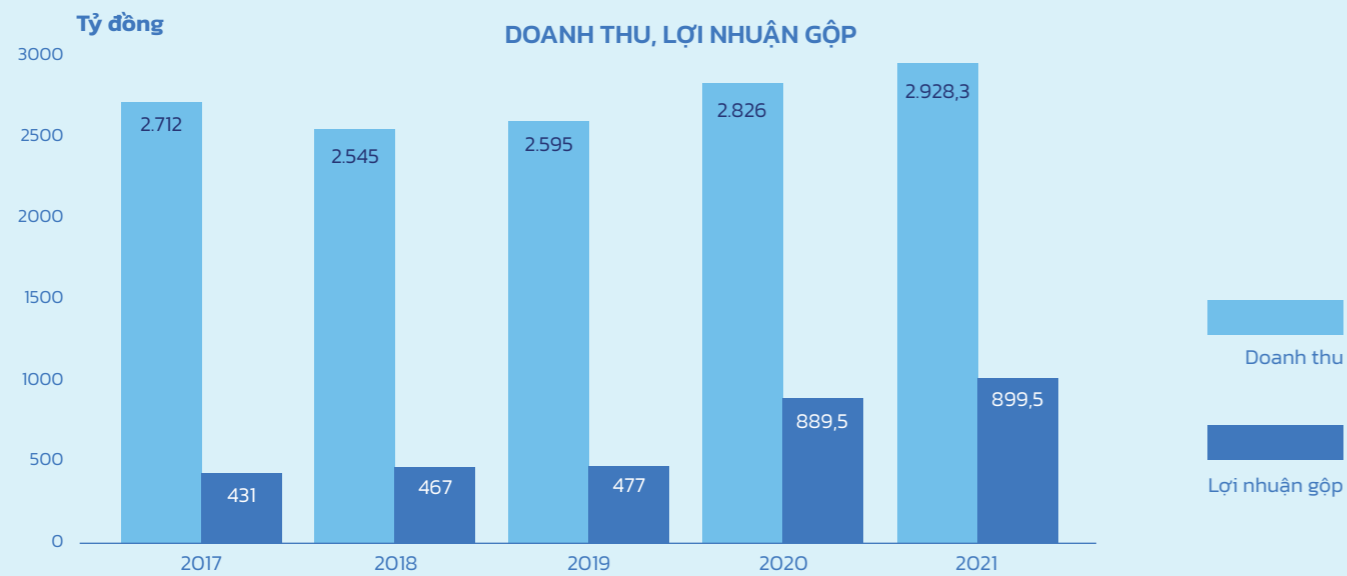
2.4 CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

KHÔNG CÓ SỰ THAY ĐỔI

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	NĂM 2021 (Tỷ đồng)	NĂM 2020 (Tỷ đồng)	THAY ĐỔI (%)
Tổng giá trị tài sản	3.200	1.853	72,7%
Doanh thu thuần	2.928,3	2.825,8	3,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	371,4	334,9	10,9%
Lợi nhuận khác	-11,6	-8,9	-
Lợi nhuận trước thuế	359,8	326,0	10,4%
Lợi nhuận sau thuế	323,4	307,7	5,1%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (/ vốn điều lệ)	6%	6%	-

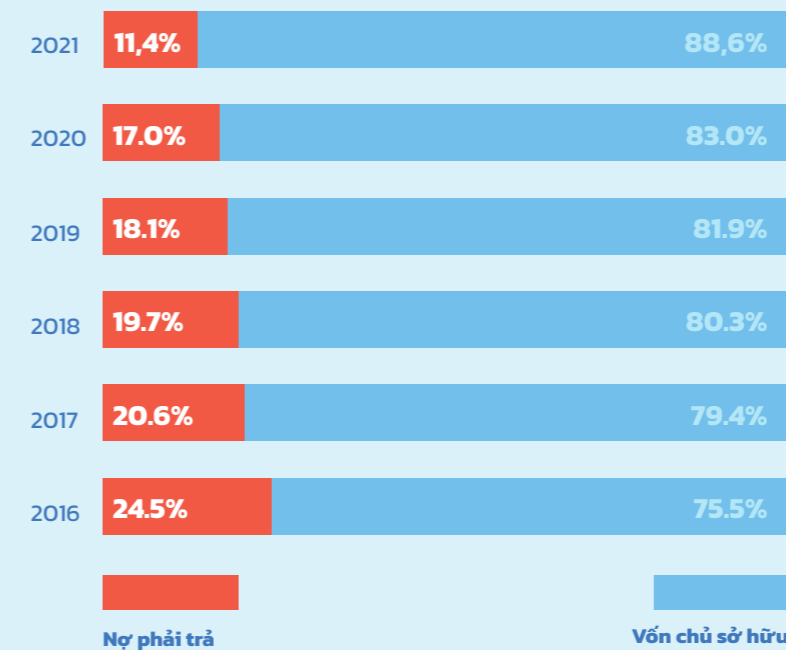
*Các chỉ tiêu khác: không có.



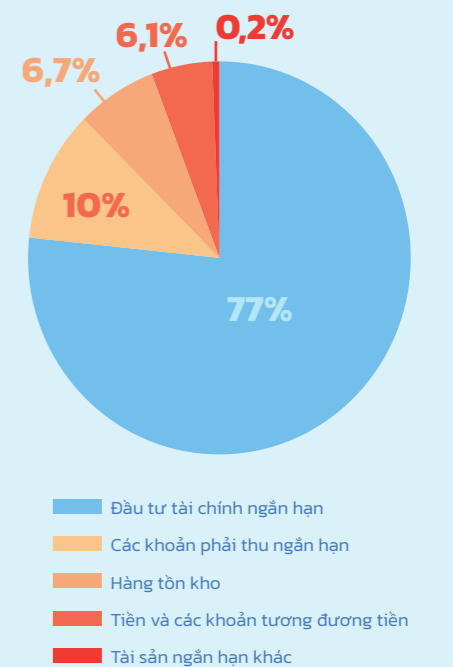
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (theo số liệu báo cáo hợp nhất năm 2021)

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2021	NĂM 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	8,5	6,4
Hệ số thanh toán nhanh	7,9	5,6
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	11,4%	17,0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	12,9%	20,4%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	10,2	8,3
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,9	1,5
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,0%	10,9%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	14,8%	21,4%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	12,8%	17,7%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	12,7%	11,9%

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU VỐN



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN (Tại 31/12/2021)



4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

4.1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty đang lưu hành (Loại cổ phần: **chuyển nhượng tự do**)

63.101.000 CỔ PHẦN
 = 631.010.000.000 VND (mệnh giá 10.000 đồng/CP)

4.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Số liệu tại ngày chốt danh sách cổ đông ngày 05/11/2021

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Trong nước	1.264	63.087.200	99,98%
a. Cá nhân	1.259	14.025.464	22,23%
b. Tổ chức	5	49.061.736	77,75%
Nước ngoài	9	13.800	0,02%
a. Cá nhân	8	10.800	0,02%
b. Tổ chức	1	3.000	0,00%
TỔNG CỘNG	1.273	63.101.000	100,00%

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Cổ đông lớn	3	57.063.736	90,43%
TỔNG CỘNG	3	57.063.736	90,43%

4.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có.

4.4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

4.5 CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU

22,23%

77,75%

0,02%

Cá nhân trong nước

14.025.464

Tổ chức trong nước

49.061.736

Cổ đông nước ngoài

13.800

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

1.259 ~ 98,9%

Cá nhân trong nước

Tổ chức trong nước

05

Cổ đông nước ngoài

09

5. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Việt Nam là nước có nền sản xuất nông nghiệp làm nền tảng khi lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế. Các lĩnh vực này còn nhiều tiềm năng để phát triển hơn nữa với những ưu đãi về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Định hướng phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung và đối với Vilico nói riêng là việc cân bằng lợi ích kinh tế giữa các bên; bảo vệ tài nguyên môi trường; đảm bảo sức khỏe cộng đồng đồng thời chia sẻ các trách nhiệm xã hội. Vilico đã mở rộng và áp dụng các hoạt động thiết thực tại các đơn vị thành viên theo những nguyên tắc chặt chẽ, rõ ràng, được giám sát và lập báo cáo định kỳ. Năm 2020, Vilico tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện tại các công ty con, công ty liên kết theo các chính sách nhất quán và được các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo nên văn hóa và mô hình hoạt động của Tổng công ty.



5.1. MÔI TRƯỜNG

Năm 2021, các hoạt động bảo vệ môi trường, sản xuất kinh doanh có trách nhiệm gắn với phát triển bền vững đã được triển khai tại Vilico từ cấp công ty mẹ đến các chi nhánh và công ty con. Cán bộ công nhân viên của công ty luôn ý thức và thực hiện các việc làm thiết thực tiết kiệm năng lượng điện, nước sạch, giấy văn phòng. Các chương trình tiết kiệm, hợp lý hóa nguồn năng lượng trong các hoạt động luôn được công ty chú trọng, việc sử dụng tài nguyên nước sạch được công ty chỉ đạo trong sản xuất, chăn nuôi và khuyến cáo tới cán bộ công nhân viên và cả các hộ nông dân chăn nuôi. Các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cũng được thực hiện nghiêm túc tại khu vực nông nghiệp và sản xuất của các đơn vị thành viên.

Mộc Châu Milk tiếp tục duy trì triển khai xử lý môi trường tại các nông hộ, coi đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá và thành lập những tổ kiểm tra giám sát xử lý các hộ không thực hiện đúng theo quy định. Mộc Châu Milk cũng tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn để mua máy ép phân. Toàn bộ trang trại của các hộ gia đình ở Mộc Châu đều đã được cơ giới hóa, trang bị nhiều máy móc hiện đại như máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Thậm chí, phân bò sau khi thu dọn cũng được xử lý tự động theo quy trình khép kín để bảo vệ môi trường.

Với dây chuyền xử lý phân tự động, toàn bộ chất thải do bò sữa thải ra hàng ngày được dọn rửa đưa về bể thu gom để xử lý bằng men vi sinh. Sau đó chất thải sẽ được máy hút lên để tách nước và chất thải rắn. Đối với nước, một phần chảy vào hầm biogas, phần còn lại chảy qua các bể xử lý bằng men vi sinh và enzym theo phương pháp hiếu khí. Sau đó, nước thải tiếp tục được đưa qua các bể lọc đến khi đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ đưa đi tưới cho đồng cỏ. Đối với chất thải rắn, sau khi xử lý bằng men vi sinh tới khi độ ẩm còn 15 – 20%, sẽ trở thành loại phân hữu cơ rất tốt cho rau màu.

Đối với các chất thải độc hại (các chai lọ, thuốc thú y tiêm cho đàn bò...), Mộc Châu Milk đã ký Hợp đồng với công ty chuyên xử lý chất thải độc hại theo đúng quy định, đảm bảo môi trường sống của thiên nhiên, con người.

Trên thực tế, Vilico đã và đang nỗ lực thực hiện, tích cực triển khai các hoạt động hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững tại các công ty con.



5.2. XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, các vấn đề về xã hội & cộng đồng cũng được Vilico ưu tiên và quan tâm. Các vấn đề việc làm của cán bộ nhân viên, người lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, người dân tộc thiểu số như nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi, nhân quyền đều được đảm bảo; trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua chất lượng các sản phẩm của công ty là tiêu chí tiên quyết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tại các đơn vị thành viên, Công ty luôn cố gắng củng cố niềm tin, ổn định tư tưởng cho cán bộ nhân viên, người lao động, tổ chức Hội nghị tại từng đơn vị để đối thoại trực tiếp, nắm bắt được hết những nguyện vọng, ý kiến của người nông dân, trên cơ sở đó đưa ra những chính sách hợp lý. Bên cạnh đó, các chính sách tạo việc làm cho người dân tại địa phương, các chương trình an sinh xã hội, chương trình từ thiện trên địa bàn các Công ty thành viên luôn được quan tâm và thực hiện thường niên, đặc biệt là các trường trình sửa học đường cho trẻ em mầm non, chương trình hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, người dân tộc thiểu số...



5.3. ĐỊNH HƯỚNG

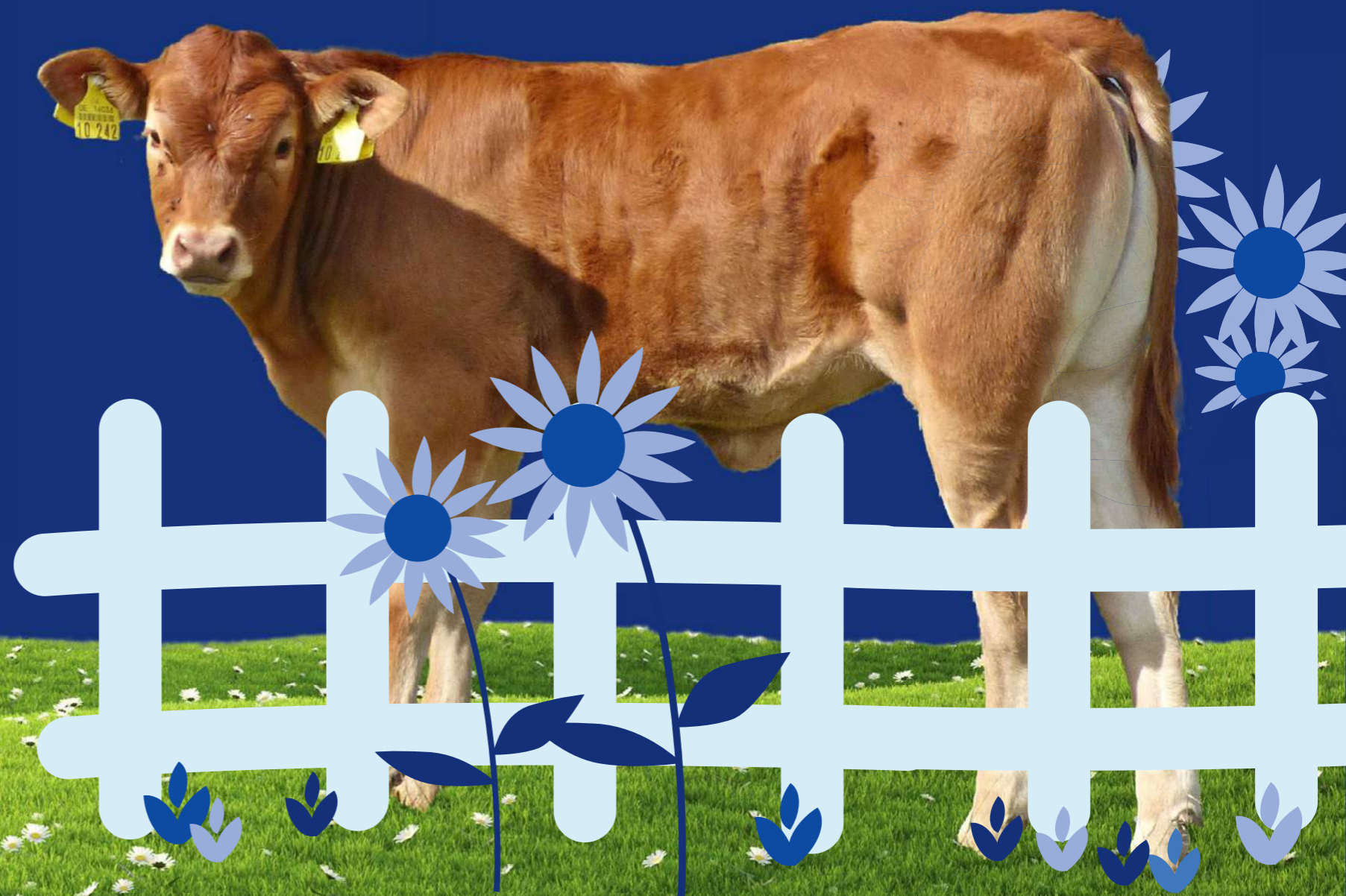
Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2021 vừa qua của Vilico đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội, xây dựng quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả, kiến tạo môi trường sống, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững và xác định rõ ràng chiến lược của Tổng công ty. Thế giới đang đối mặt với rất nhiều các vấn đề nghiêm trọng như thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, bệnh dịch, đói nghèo... đe dọa và làm ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của nhân loại. Trong bối cảnh đó, chiến lược phát triển bền vững là phương pháp hiệu quả nhất để đạt được hài hòa giữa các yếu tố trong đời sống, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Ban lãnh đạo Vilico mong muốn, ủng hộ và xác định trong tương lai xa hơn sẽ luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.

III.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CÔNG TY)

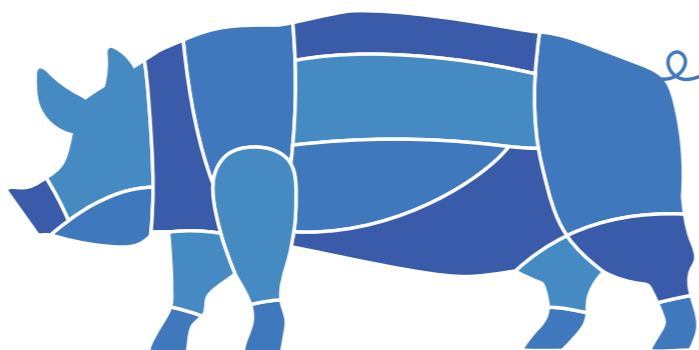
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Kế hoạch phát triển trong tương lai



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021, thu nhập hoạt động kinh doanh của công ty mẹ chủ yếu vẫn đến từ lãi tiền gửi và cổ tức của Mộc Châu Milk chi trả. Tuy nhiên, do chi phí tài chính cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty tăng so với cùng kỳ dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2021 của công ty mẹ giảm 16% so với năm 2020 xuống 92,7 tỷ đồng.



Đối với hoạt động tài chính

Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc rà soát lại toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, thực hiện thoái toàn bộ vốn tại những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thấp, không cùng ngành nghề kinh doanh chính định hướng phát triển của Tổng công ty, trong năm 2021 Tổng công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn tại 1 công ty liên kết là Công ty cổ phần phát triển Giống Gia Súc Miền Trung. Công ty cũng tiếp tục tập trung tăng vốn cho Mộc Châu Milk cũng như tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Đây là đơn vị liên danh với tập đoàn Sojitz (Nhật Bản) để chuẩn bị triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Bên cạnh đó, nguồn cổ tức thu từ Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng công ty) năm 2021 tiếp tục duy trì ở mức ổn định so với 2020. Từ các kết quả trên đã góp phần duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.



Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất

Doanh thu thuần năm 2021
2.928,3 TỶ VND

Tăng 4% so với cùng kỳ nhờ công ty con là Mộc Châu Milk được cải thiện.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021
323 TỶ VND
tăng 5% so với 2020

Năm 2021 cũng là năm Tổng công ty tiếp tục tập trung tái cơ cấu doanh nghiệp, xây dựng quy trình kiểm soát, quản trị nội bộ, cơ cấu lại nguồn vốn với việc triển khai chủ trương sáp nhập GTNfoods vào Vilico. Việc hoàn tất sáp nhập sẽ góp phần giảm các chi phí nhân sự, quản lý điều hành cũng như giúp Vilico có thêm nguồn lực tài chính để triển khai các dự án mới trong tương lai. Vilico sau sáp nhập được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững.



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC 2021

Với những nỗ lực hoạt động nêu trên, năm 2021, Tổng công ty đã đạt được những thành tích nhất định:

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; thu nhập của người lao động được đảm bảo; công tác quản lý phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả; công tác quản trị, điều hành tiếp tục được đổi mới, công tác tổ chức được kiện toàn, đi vào nề nếp, đáp ứng với mô hình hoạt động của công ty cổ phần không còn vốn nhà nước.
- Nội bộ đoàn kết, thống nhất cao từ tập thể lãnh đạo Tổng công ty đến các đơn vị thành viên.
- Trong năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 6%/vốn điều lệ.

2. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Sản xuất kinh doanh năm 2022 và những năm tới của Tổng công ty tập trung vào các mục tiêu chính sau:

Tiếp tục phát triển Tổng công ty với cơ cấu hợp lý; xây dựng, mở rộng thương hiệu của Tổng công ty và các đơn vị. Cơ cấu lại vốn đầu tư theo hướng tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh chính, thế mạnh và có hiệu quả cao.

Tiếp tục đẩy mạnh việc tái cơ cấu Tổng công ty, tập trung vào những mảng kinh doanh cốt lõi, có hiệu quả trên cơ sở phát huy các lợi thế, nguồn lực.

Thực hiện các phương án khai thác nguồn vốn đất đai, bất động sản của Tổng công ty và các doanh nghiệp thông qua việc đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết phù hợp với quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương.

Tập trung phát triển mảng chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa, tăng quy mô chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm; phát triển thị trường, mở rộng kênh phân phối.

Tập trung nguồn lực để chuẩn bị cho các dự án sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, đặc biệt là dự án chăn nuôi, chế biến và phân phối thịt bò tại Vĩnh Phúc.





IV.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021

Kết quả kinh doanh năm 2021 cho thấy Vilico tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh tương đối hiệu quả, cụ thể:

HỢP NHẤT

Doanh thu thuần năm 2021
2.928,3 TỶ VND

↑ 4,0%
so với năm 2020

Lợi nhuận sau thuế
323,4 TỶ VND

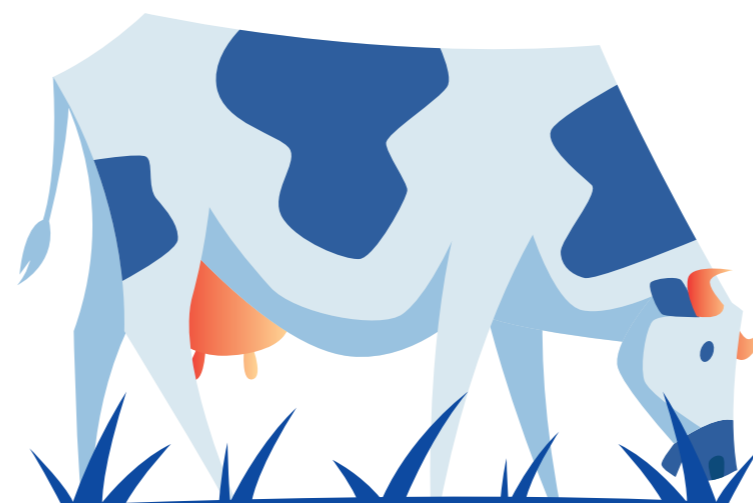
↑ 5,0%
so với năm 2020

CÔNG TY MẸ

01 Doanh thu thuần đạt 3,6 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2020, hoàn thành 51% kế hoạch (7 tỷ đồng).

02 Lợi nhuận sau thuế đạt 92,6 tỷ đồng, giảm 16% so với năm 2020, hoàn thành 81,9% kế hoạch (113 tỷ đồng).

03 Nguyên nhân lợi nhuận giảm so với cùng kỳ cũng như không đạt kế hoạch chủ yếu là do công ty phải tăng trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp tăng so với cùng kỳ.

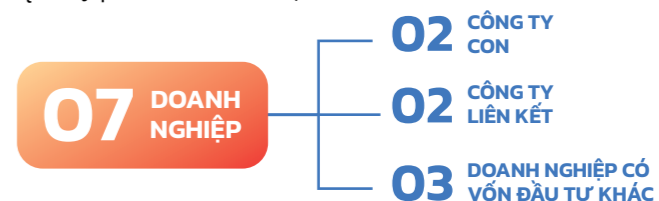


Vilico đang trong quá trình tái cấu trúc mạnh, thoái vốn các khoản đầu tư không hiệu quả, không nằm trong chiến lược phát triển chung của Tổng công ty, tập trung khai thác mảng kinh doanh có tiềm năng tăng trưởng.

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã thoái vốn **TOÀN BỘ** tại một công ty liên kết là Công ty cổ phần phát triển Giống Gia súc Miền Trung. Ngoài ra, Công ty cũng tham gia góp vốn để thành lập **Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật**. Công ty có **vốn điều lệ 46 tỷ đồng**, trong đó **Vilico góp 51%**. Còn lại là phần vốn góp từ tập đoàn Sojitz (Nhật Bản). Sau khi thành lập và ổn định bộ máy tổ chức, liên doanh sẽ tham gia vào việc triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc trong thời gian tới. Trong năm 2021, Công ty đã tiến hành triển khai phương án sáp nhập Công ty mẹ GTNfoods vào Vilico và dự kiến trong tháng 4 năm 2022 sẽ hoàn tất việc sáp nhập.



Tính đến ngày 31/12/2021, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại



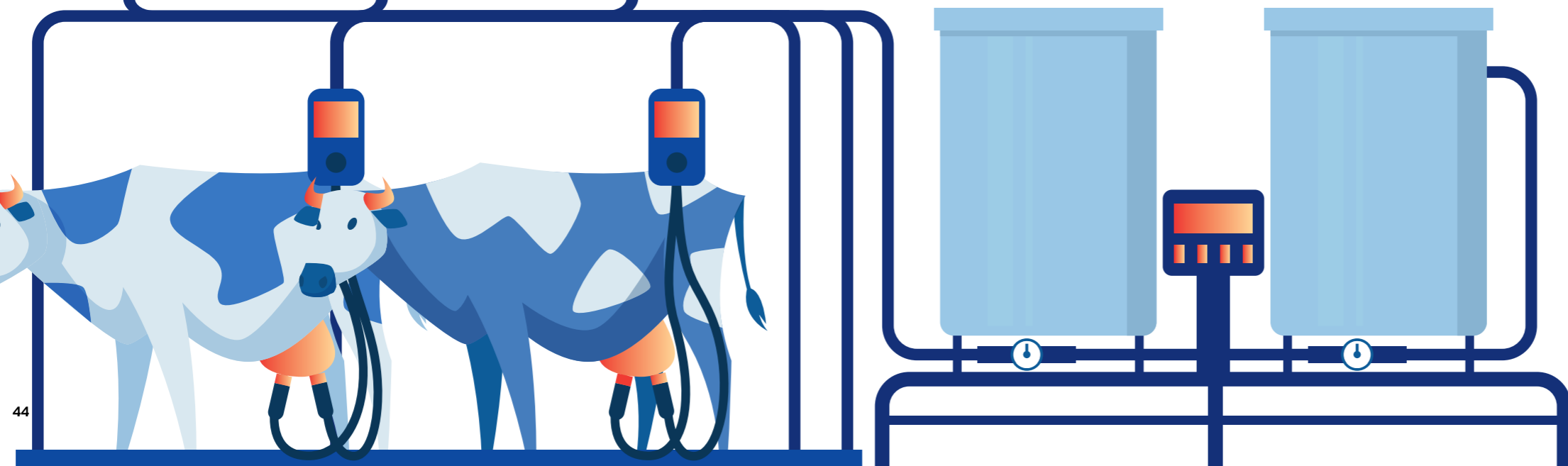
Nhìn chung, kết quả hoạt động của Vilico năm 2021 chủ yếu được phản ánh qua Công ty con chủ lực -CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk") khi chiếm trên 90% doanh thu. Lợi nhuận của Mộc Châu Milk năm 2021 so với cùng kỳ 2020 tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ cải thiện doanh thu cũng như có thêm thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng

Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp (tính theo giá gốc)

366,3 TỶ VND

Giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con (chiếm 83,3 % tổng nguồn vốn đầu tư của Vilico tại các doanh nghiệp)

Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu
305,2 TỶ VND



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Điều hành ("BDH") và dựa trên các tiêu chí sau:

01 Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh.

02 Bổn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao

- Trách nhiệm "cẩn trọng"
- Trách nhiệm "Trung thực và tránh xung đột lợi ích"
- Trách nhiệm "Bảo mật thông tin"
- Bổn phận "Chăm lo và trung thành"

03 Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao

Việc đánh giá năng lực và kỹ năng được thực hiện dựa trên bộ năng lực lãnh đạo của Công ty mẹ Vinamilk áp dụng chung cho toàn Tập đoàn (12 năng lực).

HĐQT nhận xét rằng Ban Điều hành Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó.

KẾT QUẢ

Theo đánh giá của HĐQT và BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2021, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

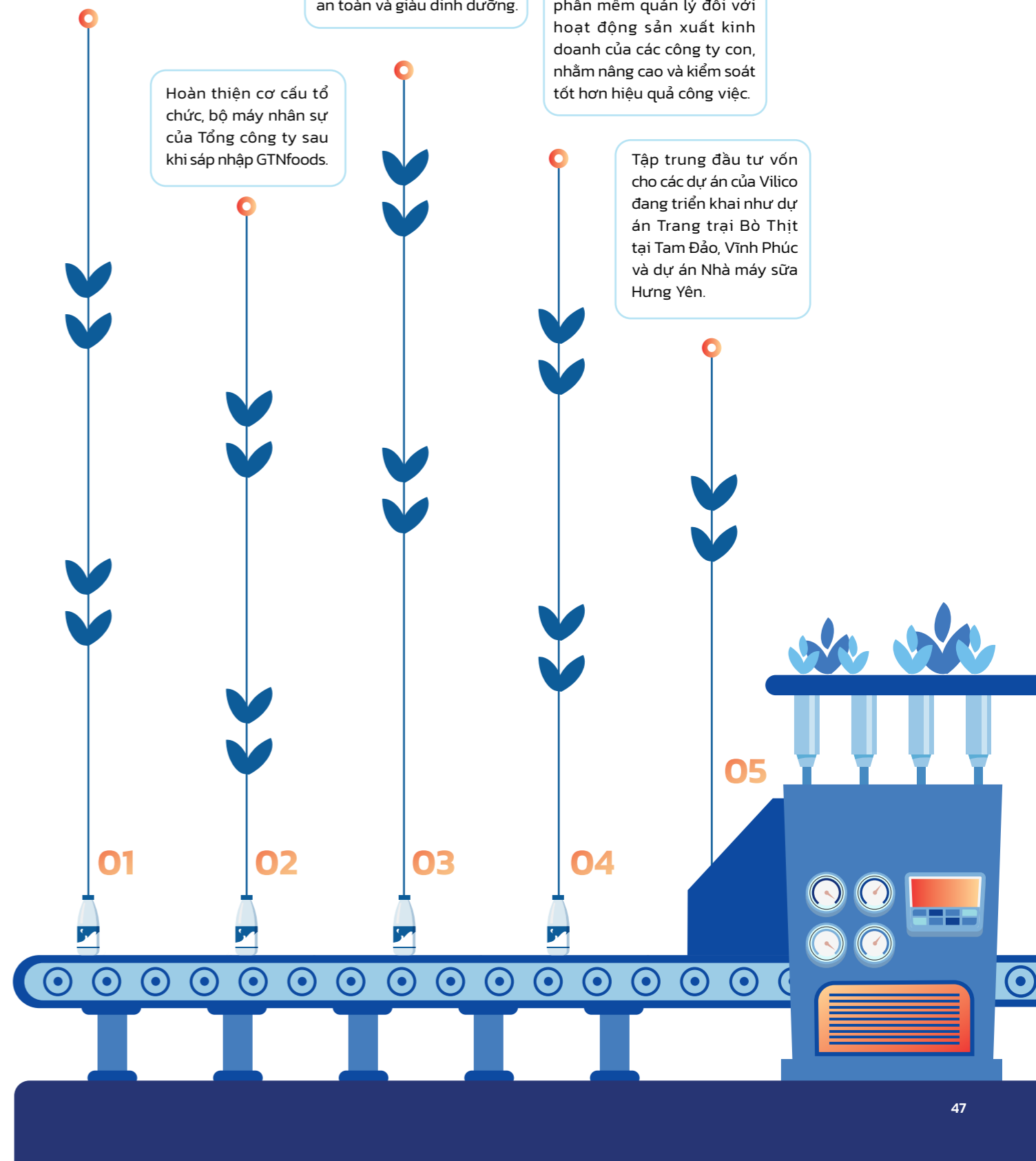
Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2022.

Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của Vilico, hướng tới trở thành công ty hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực thực phẩm, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng.

Tiếp tục tập trung xây dựng và chuẩn hóa quy trình cho từng bộ phận với mục tiêu đơn giản, tinh gọn nhưng hiệu quả. Công ty cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các phần mềm quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, nhằm nâng cao và kiểm soát tốt hơn hiệu quả công việc.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Tổng công ty sau khi sáp nhập GTNfoods.

Tập trung đầu tư vốn cho các dự án của Vilico đang triển khai như dự án Trang trại Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc và dự án Nhà máy sữa Hưng Yên.





V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan
4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2021
5. Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

Hội đồng quản trị Tổng công ty có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT điều hành và 02 thành viên HĐQT không điều hành, bao gồm:



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thành viên HĐQT không điều hành



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thành viên HĐQT điều hành

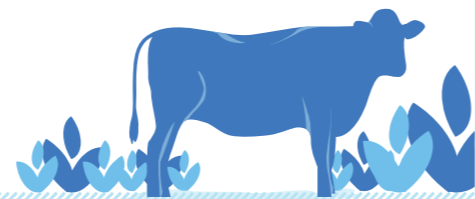


ÔNG TRẦN CHÍ SƠN

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

Thành viên HĐQT không điều hành



1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Không.)

1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2021, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2021 trọng tâm vào các nội dung sau:

- Thông qua các nội dung báo cáo của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020; thông qua các tờ trình ĐHĐCĐ 2021.
- Chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2021 vào ngày 19/03/2021 và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 26/11/2021 liên quan đến phương án sáp nhập GTN vào VLC và báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.
- Thông qua Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán.
- Quản lý và giám sát tình hình các công ty con, công ty liên kết theo định hướng, chiến lược phát triển chung của Công ty mẹ.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Giám sát hoạt động đầu tư và thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết.
- Chuẩn bị kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.
- Thông qua chủ trương sáp nhập Công ty cổ phần GTNfoods ("GTN") vào Công ty và chỉ đạo Ban điều hành triển khai và hoàn thiện các thủ tục sáp nhập theo quy định của pháp luật.

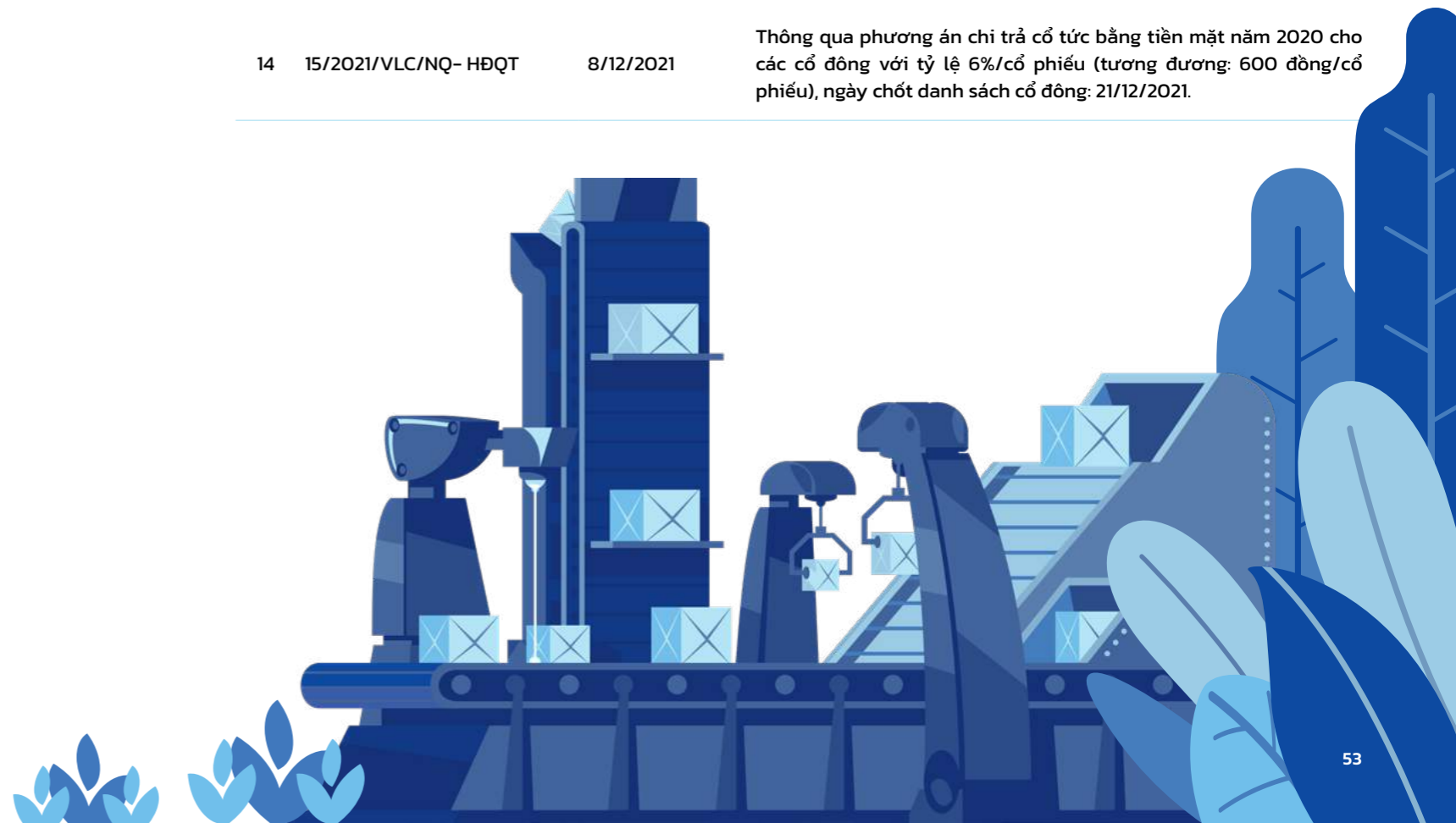
Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2021/VLC/NQ- HĐQT	04/01/2021	Bổ nhiệm Quyền Kế toán trưởng của Công ty.
2	02/2021/VLC/NQ- HĐQT	05/02/2021	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty. Phê duyệt thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và thời gian chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
3	03/2021/VLC/NQ- HĐQT	26/02/2021	Phê duyệt tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.
4	04/2021/VLC/NQ- HĐQT	08/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt việc Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Chỉ định người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật.
5	05/2021/VLC/NQ- HĐQT	12/03/2021	<ul style="list-style-type: none"> Phê duyệt tỷ lệ hoán đổi cổ phần khi sáp nhập GTN vào VLC: 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu VLC). Phê duyệt cập nhật tài liệu đại hội sau khi cập nhật thông tin về tỷ lệ hoán đổi.
6	06/2021/VLC/NQ- HĐQT	18/03/2021	Phê duyệt sửa đổi tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 bao gồm các phụ lục: <ul style="list-style-type: none"> Phụ lục 6: Phương án sáp nhập tổng thể. Phụ lục 7: Hợp đồng sáp nhập. Phụ lục 8: Dự thảo Điều lệ của VLC sau sáp nhập.
7	07/2021/VLC/NQ- HĐQT	08/04/2021	Phê duyệt phương án thoái vốn tại Công ty cổ phần phát triển Giống Gia Súc Miền Trung.
8	08/2021/VLC/NQ- HĐQT	09/04/2021	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Hợp đồng sáp nhập giữa Công ty và GTN. Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu của Công ty để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu VLC do Công ty cổ phần GTNfoods sở hữu cho mục đích sáp nhập. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Cam kết đáp ứng quy định tại điểm (e) khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán.
9	09/2021/VLC/NQ- HĐQT	07/06/2021	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
10	10/2021/VLC/NQ- HĐQT	25/10/2021	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án sáp nhập Công ty Cổ phần GTNFoods ("GTN") vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC") bằng hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020. Phê duyệt thời gian dự kiến thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
11	12/2021/VLC/NQ- HĐQT	22/11/2021	Thông qua thành phần tham gia kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
12	13/2021/VLC/NQ- HĐQT	26/11/2021	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Hợp đồng sáp nhập giữa Công ty và Công ty Cổ phần GTNfoods với các nội dung chính đúng với bản dự thảo Hợp đồng đã được thông qua tại Nghị quyết 02 và Ủy quyền cho Phó Tổng Giám Đốc của Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng sáp nhập với Công ty Cổ phần GTNfoods. Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu của VLC để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với VLC và hủy 47.003.136 cổ phiếu VLC do Công ty sở hữu cho mục đích sáp nhập. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Thông qua cam kết về việc đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán và cam kết đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phần phát hành để hoán đổi trong thời gian sớm nhất sau khi được các cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt.
13	14/2021/VLC/NQ- HĐQT	6/12/2021	Thông qua chủ trương dùng tài khoản tiền gửi để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và chấp thuận cho Sacombank cấp hạn mức tín dụng cho Công ty để thực hiện dự án Trang Trại Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.
14	15/2021/VLC/NQ- HĐQT	8/12/2021	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2020 cho các cổ đông với tỷ lệ 6%/cổ phiếu (tương đương: 600 đồng/cổ phiếu), ngày chốt danh sách cổ đông: 21/12/2021.



2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát đều đáp ứng tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình. Thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm ngày 31/12/2021 của Công ty như sau:



Bà Hà Thị Diệu Thu

Trưởng BKS

Không phải là người lao động trong công ty



Ông Trịnh Công Sơn

Thành viên

Không phải là người lao động trong công ty



Ông Trịnh Công Tuyển

Thành viên

Không phải là người lao động trong công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Trong giai đoạn vừa qua, HĐQT, Ban Giám đốc đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, BKS nhận được đầy đủ tài liệu liên quan tới các cuộc họp của HĐQT và các sự vụ quan trọng phát sinh liên quan đến Công ty. Các ý kiến của BKS gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc được phân phối đầy đủ và kịp thời.

Hoạt động của BKS:

BKS đã tham gia các hoạt động:

- Giám sát công tác đánh giá, xét chọn Đơn vị kiểm toán cho năm 2021 của Công ty;
- Rà soát và tư vấn, góp ý trong việc xây dựng hệ thống tài liệu kiểm soát và các công cụ hỗ trợ theo thực hành tốt.
- Rà soát Hợp đồng liên doanh giữa VLC và Sojitz, phương án liên doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã phê duyệt; và góp ý trong quá trình chuẩn bị lựa chọn Đơn vị tư vấn các phương án hợp tác với Vinamilk trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng Nhà máy sữa Hưng Yên.
- Soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm trước và sau kiểm toán.

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Đến thời điểm hiện tại, BKS đã có ghi nhận một số vấn đề sau:

01

Một (01) đơn kiến nghị của Cổ đông đồng gửi HĐQT, BKS VLC và GTN về năm (05) vấn đề liên quan đến công tác tổ chức đại hội và phương án sáp nhập; hai (02) đơn kiến nghị của Cổ đông gửi HĐQT và BKS của GTN, liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ và phương án sáp nhập giữa GTN và VLC.

02

Văn bản số 3334/UBCK-QLCB của UBCK thông báo về việc xem xét thủ tục tổ chức ĐHĐCĐ và xem xét sai phạm (nếu có) trong quá trình tổ chức ĐHĐCĐ của Công ty.

03

Quyết định số 250/QĐ-XPVHC ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban chứng khoán nhà nước xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về hành vi công bố thông tin không đúng thời hạn theo quy định pháp luật.

04

Các bài báo, tin tức liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến của VLC, và phương án sáp nhập giữa GTN và VLC.



HĐQT, Ban Giám đốc đã cân nhắc, trao đổi kỹ lưỡng và có Công văn phản hồi đơn kiến nghị của các Cổ đông và gửi văn bản giải trình đến UBCK.

BKS cũng chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý Công ty.

3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Không có.

4. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2021



5. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2021, Công ty tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, đặc biệt là hoạt động ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý được ủy thác của Công ty luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

01

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

02

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

03

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty liên kết do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ Sở giao dịch Chứng khoán.

04

Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

05

Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

06

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

VI.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC VĂN BẢN THÀNH LẬP

- Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.
- Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 8) là ngày 29 tháng 10 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trịnh Công Tuyển	Thành viên (đến ngày 7/2/2022)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 64 đến trang 100 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Trịnh Quốc Dũng

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 64 đến trang 100.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ KHÁC

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 1 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH KPMG VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00193-22-2

Wang Toon Kim

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2018-007-1

Đàm Xuân Lâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

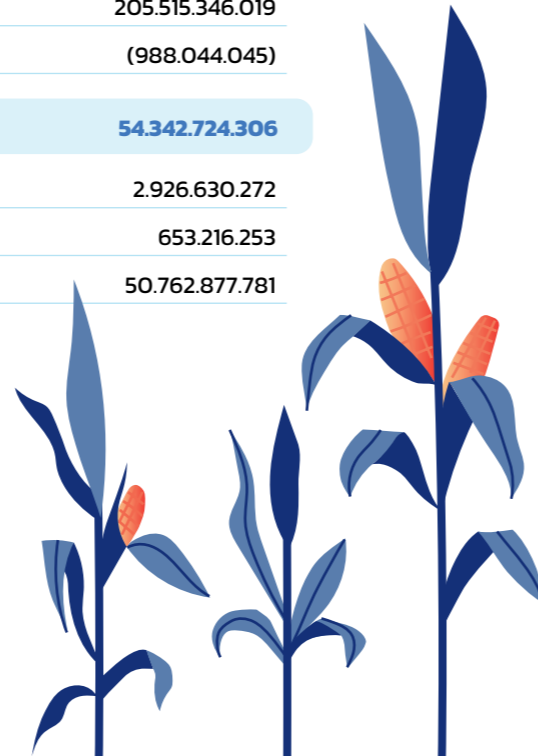
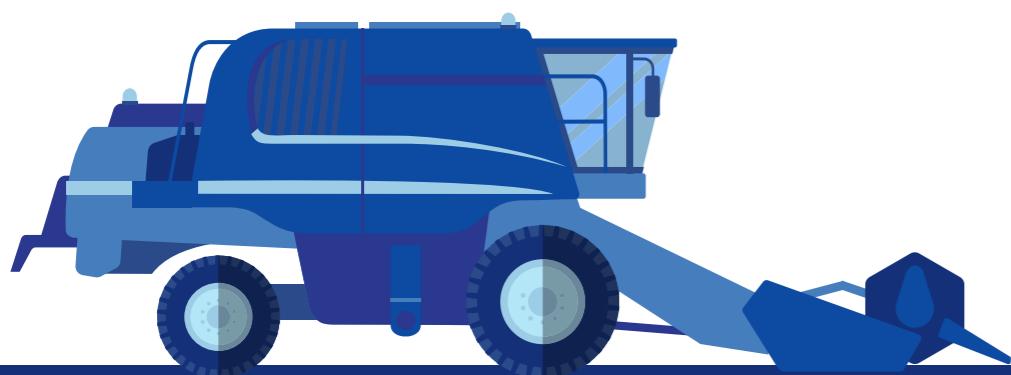
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu B 01 - DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021 (Phân loại lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.887.493.948.417	1.612.404.600.254
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	176.364.273.179	61.433.249.288
Tiền	111		61.364.273.179	27.433.249.288
Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	34.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.224.000.000.000	1.130.152.120.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.224.000.000.000	1.130.152.120.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		287.621.705.094	161.949.204.686
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	180.276.659.859	113.816.463.949
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.032.867.832	906.337.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	150.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	91.551.177.403	48.567.126.746
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(239.000.000)	(1.490.723.609)
Hàng tồn kho	140	8	194.029.956.230	204.527.301.974
Hàng tồn kho	141		196.025.317.329	205.515.346.019
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.995.361.099)	(988.044.045)
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.478.013.914	54.342.724.306
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9(a)	3.264.883.280	2.926.630.272
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.146.708.828	653.216.253
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15(a)	1.066.421.806	50.762.877.781



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021 (Phân loại lại)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		312.060.959.508	240.768.315.436
Các khoản phải thu dài hạn khác	210	4	165.180.600	165.180.600
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	165.180.600	165.180.600
Tài sản cố định	220		159.974.543.647	173.860.618.385
Tài sản cố định hữu hình	221	10	158.754.582.402	171.311.199.773
- Nguyên giá	222		1.000.946.996.282	983.233.485.520
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(842.192.413.880)	(811.922.285.747)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.219.961.245	2.549.418.612
- Nguyên giá	228		4.287.000.000	4.287.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.067.038.755)	(1.737.581.388)
Tài sản dở dang dài hạn	240		115.860.790.719	29.181.822.626
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	12	12.961.105.522	29.177.214.626
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	102.899.685.197	4.608.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		24.224.990.299	31.193.599.941
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	12.174.269.703	12.817.387.796
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	29.845.631.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(17.794.911.331)	(11.469.419.782)
Tài sản dài hạn khác	260		11.835.454.243	6.367.093.884
Chi phí trả trước dài hạn	261	9(b)	11.808.408.684	6.285.957.208
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		27.045.559	81.136.676
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.199.554.907.925	1.853.172.915.690



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021 (Phân loại lại)
NỢ PHẢI TRẢ	300		365.014.844.365	314.314.763.916
Nợ ngắn hạn	310		340.042.333.534	252.901.253.725
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	91.035.060.010	88.975.508.060
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.342.116.827	2.851.240.941
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	18.052.515.323	1.803.693.902
Phải trả người lao động	314		20.743.966.310	26.584.910.400
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	52.812.869.428	62.362.804.842
Phải trả ngắn hạn khác	319	17(a)	11.929.591.565	10.543.505.049
Vay ngắn hạn	320	18	77.155.349.198	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.775.143.680	1.578.351.395
Quy khen thưởng, phúc lợi	322	19	64.195.721.193	58.201.239.136
Nợ dài hạn	330		24.972.510.831	61.413.510.191
Phải trả dài hạn khác	337	17(b)	21.900.931.811	60.090.353.294
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.323.156.897	1.323.156.897
Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.748.422.123	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		2.834.540.063.560	1.538.858.151.774
Vốn chủ sở hữu	410	20	2.834.540.063.560	1.538.858.151.774
Vốn cổ phần	411	21	631.010.000.000	631.010.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		631.010.000.000	631.010.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		152.765.010.503	152.765.010.503
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(87.031.904.704)	(87.083.087.823)
Quy đầu tư phát triển	418	22	95.221.334.196	64.592.292.858
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		556.641.650.889	330.740.262.550
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		276.348.711.295	189.610.112.775
- LNST năm nay	421b		280.292.939.594	141.130.149.775
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.485.933.972.676	446.833.673.686
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.199.554.907.925	1.853.172.915.690

Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Trình Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B 02 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2021	2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	2.930.382.017.195	2.828.394.349.413
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	2.130.278.272	2.606.681.764
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	2.928.251.738.923	2.825.787.667.649
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	25	2.028.710.786.211	1.936.238.668.760
Lợi nhuận gộp	20		899.540.952.712	889.548.998.889
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	125.260.017.231	86.725.947.719
Chi phí tài chính	22		6.825.408.212	3.315.358.257
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	27	162.698.449	-
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		402.159.236	(2.462.745.103)
Chi phí bán hàng	25	28	594.762.296.573	596.632.396.883
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	52.246.493.671	38.976.037.849
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		371.368.930.723	334.888.408.516
Thu nhập khác	31	30	12.519.071.063	5.840.977.264
Chi phí khác	32	31	24.118.604.102	14.742.338.876
Lỗ khác	40		(11.599.533.039)	(8.901.361.612)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		359.769.397.684	325.987.046.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	36.310.797.092	21.289.239.426
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	33	54.091.117	(2.979.887.983)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		323.404.509.475	307.677.695.461
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		111.701.896.917	170.118.089.578
Cổ đông không kiểm soát	62		211.702.612.558	137.559.605.883
				Đã điều chỉnh lại
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.532	2.376

Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng/Người lập biểu
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Trình Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B 03 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2021	2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	359.769.397.684	325.987.046.904
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	54.248.589.877	56.929.380.668
Các khoản dự phòng	03	9.278.023.011	2.473.059.586
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(211.749.664)	34.596.052
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(111.698.575.231)	(71.245.423.131)
Chi phí lãi vay	06	162.698.449	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	311.548.384.126	314.178.660.079
Biến động các khoản phải thu	09	(29.247.375.039)	(137.536.282.485)
Biến động hàng tồn kho	10	9.490.028.690	59.176.920.832
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(18.857.989.814)	56.603.736.097
Biến động chi phí trả trước	12	(5.860.704.484)	10.525.386.647
		267.072.343.479	302.948.421.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.535.438.845)	(30.528.258.613)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	173.789.837	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.216.243.469)	(34.186.661.632)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	214.494.451.002	238.233.500.925
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(152.124.497.296)	(20.893.445.510)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	4.974.002.672	3.263.310.000
Tiền chi cho vay và chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(2.841.821.173.355)	(1.646.152.120.000)
Tiền thu hồi cho vay và thu tiền gửi có kỳ hạn	24	1.724.511.460.000	1.143.403.475.500
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(8.134.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	1.336.500.000	20.296.671.838
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	72.089.256.651	60.084.349.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.191.034.451.328)	(440.005.893.106)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Mẫu B 03 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2021	2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	1.237.746.180.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	77.155.349.198	-
Tiền trả cổ tức	36	(223.430.600.000)	(70.592.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.091.470.929.198	(70.592.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	114.930.928.872	(272.364.992.181)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	61.433.249.288	333.798.241.469
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	95.019	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	176.364.273.179	61.433.249.288

Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng/Người lập biểu

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Trình Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

A

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Tổng Công ty và công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và công ty con trong các công ty liên kết.

B

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

C
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

D
Cấu trúc Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 1 công ty con và 3 công ty liên kết) như sau:

TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	31/12/2021		1/1/2021	
			TỶ LỆ % (quyền biểu quyết)	TỶ LỆ % (Sở hữu)	TỶ LỆ % (quyền biểu quyết)	TỶ LỆ % (Sở hữu)

Công ty con

1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu ("MCM") (*)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	59,30%	32,52%	51,00%	51,00%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (**)	Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn hàng hóa	Hà Nội	51,00%	51,00%	-	-

Công ty liên kết

1	Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (***)	Cung ứng tinh bò đông lạnh và cung ứng gia súc	Tỉnh Khánh Hòa	-	-	33,75%	33,75%
2	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập Khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

(*) Ngày 25 tháng 1 năm 2021, Tổng Công ty hoàn tất việc mua 1.704.408 cổ phần của Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu ("MCM"). Ngày 4 tháng 2 năm 2021, sau khi MCM hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ VND và công bố thông tin về báo cáo kết quả việc tăng vốn, số lượng cổ phần nắm giữ sau giao dịch của Tổng Công ty là 35.771.572 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 32,52%. Ngoài ra, công ty mẹ của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần GTNfoods ("GTN") cũng đã ủy quyền cho Tổng Công ty đại diện toàn bộ 26,78% quyền biểu quyết của GTN tại MCM. Theo đó, Tổng Công ty xác định MCM tiếp tục là công ty con của Tổng Công ty tại ngày và trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(**) Ngày 15 tháng 11 năm 2021, Tổng Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật.

(***) Trong năm, Tổng Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty và công ty con có 842 nhân viên (1/1/2021: 839 nhân viên).

6.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A
Tuyên bố về tuân thủ Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

C
Kỳ kế toán năm Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

B
Cơ sở đo lường Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

D
Đơn vị tiền tệ kế toán Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

6.3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

A Cơ sở hợp nhất

i. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

ii. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

iii. Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

iv. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

B

Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.
- Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

C

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

D Các khoản đầu tư

i. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

ii. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá trị định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

E

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



F

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

G Tài sản cố định hữu hình

i. Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 33 năm
- Máy móc và thiết bị 5 – 24 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 8 năm
- Phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm
- Gia súc 4 – 6 năm
- Tài sản khác 3 – 8 năm

H

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 2 đến 3 năm.

I

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

J Chi phí trả trước dài hạn

i. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 24 tháng đến 36 tháng.

ii. Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

K

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập với mục tiêu đảm bảo hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò và bê. Đối tượng tham gia và đóng góp vào Quỹ này là các hộ chăn nuôi tham gia ký “Hợp đồng mua bán sữa bò tươi” với Công ty. Việc tham gia Quỹ này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Quỹ không được sử dụng để thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào của Công ty mà chỉ phục vụ mục đích nêu trên. Quỹ không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

Nguồn thu của Quỹ là các khoản phí hỗ trợ vật nuôi từ các hộ chăn nuôi đóng góp theo quy chế hoạt động của quỹ. Phí hỗ trợ vật nuôi được thu một năm một lần và được quy định cụ thể cho từng loại bò, bê theo con. Các khoản thu này được ghi nhận là một khoản tăng tiền đối ứng với khoản tăng Quỹ trong năm. Việc sử dụng Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc chi trả trong khuôn khổ nguồn thu quỹ cho các mục đích nêu trên. Khi sử dụng Quỹ cho các mục đích nêu trên, phần sử dụng được ghi giảm số dư quỹ trong năm sử dụng. Trong quá trình hoạt động, khoản tiền mặt thời chưa sử dụng có thể được gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ trên cơ sở thực thu tiền.

Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu, một Công ty con của Tổng Công ty đóng vai trò là người quản lý Quỹ này, nhận tiền đóng góp của các hộ chăn nuôi và thực hiện chi hộ khi có các hoạt động hỗ trợ phát sinh. Do đó, công ty con của Công ty ghi nhận và theo dõi khoản này là một khoản phải trả khác.

L

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

M

Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

N

Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

O

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



P Doanh thu và thu nhập khác

i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

ii. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

P Doanh thu và thu nhập khác

iii. Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

iv. Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Q

Thuê tài sản (thuê hoạt động)

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

R

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

S

Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

T

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

U

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất của Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

V

Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con trong năm trước.



6.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	48.268.307	97.738.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	61.316.004.872	27.335.510.582
Trong đó:		
Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	1.382.287.342	2.309.820.244
Các khoản tương đương tiền (ii)	115.000.000.000	34.000.000.000
	176.364.273.179	61.433.249.288

- (i) Số dư tài khoản tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được theo dõi trên một tài khoản ngân hàng riêng. Tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi và không được sử dụng cho mục đích nào khác.
- (ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,2% đến 3,6%/năm (1/1/2021: 3,3%/năm).

6.5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.208.000.000.000	2.208.000.000.000	1.076.690.494.000	1.076.690.494.000
Tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (ii)	16.000.000.000	16.000.000.000	53.461.626.000	53.461.626.000
	2.224.000.000.000	2.224.000.000.000	1.130.152.120.000	1.130.152.120.000

- (i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 4,7% đến 6,8%/năm (1/1/2021: từ 5% đến 7,8%/năm).

Bao gồm khoản tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi có kỳ hạn gốc là 12 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất 5,1%/năm (1/1/2021: từ 4,9% đến 6,4%/năm).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị: VND

31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỐ (theo phương pháp vốn chủ sở hữu)	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	12.174.269.703	(*)
					12.174.269.703	

Đơn vị: VND

01 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỐ (theo phương pháp vốn chủ sở hữu)	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	11.772.110.468	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung	Khánh Hòa	81.000	33,75%	33,75%	1.045.277.328	(*)
					12.817.387.796	



Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị: VND

31 tháng 12 năm 2021
01 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT	31 tháng 12 năm 2021		01 tháng 01 năm 2021		GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
					GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	% SỞ HỮU	% QUYỀN BIỂU QUYẾT			
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(6.783.991.281)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	7.730	0,13%	0,13%	83.719.600	-	0,13%	0,13%	83.719.600	-	(*)
					29.845.631.927	(17.794.911.331)			29.845.631.927	(11.469.419.782)	

(*) Tổng Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.


6.6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị: VND

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	61.837.024.412	7.233.431.100
Bên khác		
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	5.822.690.249	4.623.711.583
Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	5.618.345.206	4.525.826.922
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	-	5.004.516.953
Các khách hàng khác	106.998.599.992	92.428.977.391
	180.276.659.859	113.816.463.949

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ cấp cao nhất không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 50 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6.7. PHẢI THU KHÁC
(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm

Đơn vị: VND

	31/12/2021	01/01/2021
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	77.877.373.426	31.952.038.741
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi (*)	11.197.500.000	13.763.700.000
Phải thu người lao động	704.447.063	1.117.805.810
Phải thu về bán công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	206.356.914	168.082.195
	91.551.177.403	48.567.126.746

(*) Bao gồm các khoản cho vay các hộ chăn nuôi để mua bò, đầu tư chăn nuôi với kỳ hạn gốc 12 tháng, lãi suất 0,75%/tháng (1/1/2021: 0,75%/tháng).

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

Đơn vị: VND

	31/12/2021	01/01/2021
Ký cược, ký quỹ	165.180.600	165.180.600

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6.8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND	31/12/2021		1/1/2021	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
Hàng đang đi đường	1.342.126.148	-	-	-
Nguyên vật liệu	144.392.340.684	(1.447.285.634)	123.242.073.147	(809.522.377)
Công cụ và dụng cụ	2.852.655.195	(548.075.465)	1.202.044.573	(34.115.719)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	15.736.941.853	-	17.082.673.322	-
Thành phẩm	29.710.865.854	-	63.613.718.777	(144.405.949)
Hàng hóa	1.990.387.595	-	374.836.200	-
	196.025.317.329	(1.995.361.099)	205.515.346.019	(988.044.045)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.447 triệu VND nguyên vật liệu và 548 triệu VND công cụ và dụng cụ (1/1/2021: 810 triệu VND nguyên vật liệu, 34 triệu VND công cụ và dụng cụ và 144 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

6.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn	Đơn vị: VND	
	31/12/2021	01/01/2021
Công cụ dụng cụ	1.026.078.180	-
Chi phí quảng cáo	1.511.451.333	1.824.647.954
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	727.353.767	1.101.982.318
	3.264.883.280	2.926.630.272

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VND	CÔNG CỤ VÀ DỤNG CỤ		CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN KHÁC		TỔNG CỘNG	
Số dư đầu năm	5.857.411.276	428.545.932	6.285.957.208			
Tăng trong năm	10.384.474.790	3.176.113.815	13.560.588.605			
Phân bổ trong năm	(7.032.026.997)	(1.006.110.132)	(8.038.137.129)			
Số dư cuối năm	9.209.859.069	2.598.549.615	11.808.408.684			

6.10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CÔNG TY LIÊN KẾT	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	GIA SÚC	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	294.165.748.871	548.833.675.418	980.872.390	62.505.765.498	72.134.071.630	4.613.351.713	983.233.485.520
Tăng trong năm	1.904.347.272	5.284.460.000	8.976.532.000	3.850.073.537	-	-	20.015.412.809
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	32.110.416.014	-	32.110.416.014
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-	214.759.000	214.759.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.440.024.304)	(207.850.000)	(30.769.000)	(847.450.943)	(29.859.489.764)	-	(34.385.584.011)
Giảm khác	(241.493.050)	-	-	-	-	-	(241.493.050)
Số dư cuối năm	292.388.578.789	553.910.285.418	9.926.635.390	65.508.388.092	74.384.997.880	4.828.110.713	1.000.946.996.282
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	223.884.512.761	494.965.591.405	615.132.278	52.627.453.834	35.216.243.756	4.613.351.713	811.922.285.747
Khấu hao trong năm	16.540.617.884	20.661.789.330	572.633.793	4.361.978.811	12.077.180.101	3.579.317	54.217.779.236
Điều chỉnh trong năm	(1.498.984.840)	200.338.114	-	-	-	-	(1.298.646.726)
Thanh lý, nhượng bán	(3.283.821.639)	(207.850.000)	(30.769.000)	(847.450.943)	(18.037.619.745)	-	(22.407.511.327)
Giảm khác	(241.493.050)	-	-	-	-	-	(241.493.050)
Số dư cuối năm	235.400.831.116	515.619.868.849	1.156.997.071	56.141.981.702	29.255.804.112	4.616.931.030	842.192.413.880
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	70.281.236.110	53.868.084.013	365.740.112	9.878.311.664	36.917.827.874	-	171.311.199.773
Số dư cuối năm	56.987.747.673	38.290.416.569	8.769.638.319	9.366.406.390	45.129.193.768	211.179.683	158.754.582.402

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 561.859 triệu VND (1/1/2021: 535.312 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 14.599 triệu VND (1/1/2021: 17.094 triệu VND).



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6.11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH

Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	4.287.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.737.581.388
Khấu hao trong năm	1.329.457.367
Số dư cuối năm	3.067.038.755
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	2.549.418.612
Số dư cuối năm	1.219.961.245

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản có nguyên giá 299 triệu VND (1/1/2021: 299 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

6.13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	2021	2020
Số dư đầu năm	4.608.000	-
Tăng trong năm	103.109.836.197	4.608.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(214.759.000)	-
Số dư cuối năm	102.899.685.197	4.608.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Máy rót sữa A3	85.215.282.711	-
Hệ thống thanh trùng 5,000L/h và hệ thống CIP 15000L/h	11.024.167.509	-
Công trình khác	6.660.234.977	4.608.000
TỔNG	102.899.685.197	4.608.000



Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6.12. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỠ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.



Đơn vị: VND

6.14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

Giá gốc và số có khả năng trả nợ

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	195.108.914	1.000.000.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.168.000.000	1.027.640.000
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	2.443.799.520	-
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	378.106.100	-
Các bên khác		
Các hộ chăn nuôi	45.019.949.992	41.582.180.933
Các bên khác	41.830.095.484	45.365.687.127
TỔNG	91.035.060.010	88.975.508.060

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6.15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị: VND

	31/12/2021	SỐ PHẢI THU TRONG NĂM	SỐ ĐÃ ĐƯỢC BÙ TRỪ TRONG NĂM	01/01/2021
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng (*)	40.178.778.392	-	(40.178.778.392)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.514.116.676	-	(9.514.116.676)	-
Thuế thu nhập cá nhân	806.746.028	964.733.856	(806.494.378)	964.985.506
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	263.236.685	101.436.300	(263.236.685)	101.436.300
	50.762.877.781	1.066.170.156	(50.762.626.131)	1.066.421.806
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng (*)	73.278.538	46.995.107.516	(41.445.793.300)	5.622.592.754
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	9.514.116.676	-	(9.514.116.676)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	9.797.555.815	(9.797.555.815)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	389.911.937	(389.911.937)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.027.082.085	26.796.680.416	(16.535.438.845)	11.288.323.656
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	46.554.277	6.042.242.932	(5.604.944.356)	483.852.853
Các loại thuế khác	656.779.002	9.495.525.219	(9.495.558.161)	656.746.060
	1.803.693.902	99.791.923.160	(83.543.101.739)	18.052.515.323

(*)

6.16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VND	Đã phân loại lại	
	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	42.898.588.635	48.274.308.535
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	3.279.285.200	10.578.221.508
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	2.474.542.509	-
Chi phí bảo dưỡng máy móc	1.974.788.164	2.562.779.079
Chi phí lãi vay	162.698.449	-
Các khoản trích trước khác	2.022.966.471	947.495.720
	52.812.869.428	62.362.804.842

(i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty và công ty con đang áp dụng.

6.17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị: VND	Đã phân loại lại	
	31/12/2021	01/01/2021
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	3.137.261.504	2.317.385.330
Phải trả cán bộ nhân viên	1.260.859.142	2.220.861.621
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.531.470.919	6.005.258.098
	52.812.869.428	62.362.804.842
b. Phải trả dài hạn khác		
Quỹ hỗ trợ chăn nuôi (i)	17.382.287.342	55.771.446.244
Quỹ khuyến học, các quỹ khác	1.383.866.469	1.401.507.050
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.134.778.000	2.917.400.000
	21.900.931.811	60.090.353.294

(i) Biến động của Quỹ hỗ trợ chăn nuôi trong năm như sau	2021	2020
Số dư đầu năm	55.771.446.244	51.455.745.308
Thu quỹ trong năm	20.465.714.316	25.980.803.958
Lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm	1.599.059.902	3.677.827.097
Sử dụng trong năm	(60.453.933.120)	(25.342.930.119)
Số dư cuối năm	17.382.287.342	55.771.446.244

6.18. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị: VND	1/1/2021	Biến động trong năm		31/12/2021
	GIÁ TRỊ GHI SỐ VÀ SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ GHI SỐ VÀ SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn	-	77.155.349.198	-	77.155.349.198

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	LOẠI TIỀN	LÃI SUẤT NĂM	31/12/2021	01/01/2021
Khoản vay ngân hàng	VND	2,1%	77.155.349.198	-

Khoản vay từ ngân hàng có thời hạn 6 tháng và không có tài sản đảm bảo.

6.19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Đơn vị: VND	2021	2020
Số dư đầu năm	58.201.239.136	58.057.048.774
Trích lập trong năm	42.036.935.689	34.330.851.994
Tăng khác	173.789.837	-
Sử dụng trong năm	(36.216.243.469)	(34.186.661.632)
Số dư cuối năm	64.195.721.193	58.201.239.136



6.20. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VND

	VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
Số dư tại ngày 1/1/2020	631.010.000.000	152.765.010.503	(88.517.974.375)	40.998.794.543	243.744.170.992	356.103.742.567	1.336.103.744.230
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	170.118.089.578	137.559.605.883	307.677.695.461
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	23.593.429.392	(23.593.429.392)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	(37.860.600.000)	-	(37.860.600.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.235.857.726)	(46.826.994.268)	(67.062.851.994)
Thay đổi do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	1.434.886.552	-	(1.434.886.552)	-	-
Biến động khác	-	-	-	68.923	2.775.650	(2.680.496)	164.077
Số dư tại ngày 1/1/2021	631.010.000.000	152.765.010.503	(87.083.087.823)	64.592.292.858	330.740.262.550	446.833.673.686	1.538.858.151.774
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	111.701.896.917	211.702.612.558	323.404.509.475
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	30.629.041.338	(30.629.041.338)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(20.503.277.156)	(21.533.658.533)	(42.036.935.689)
Cổ tức	-	-	-	-	(37.860.600.000)	(185.570.000.000)	(223.430.600.000)
Thay đổi lợi ích trong công ty con hiện hữu mà không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	203.244.835.035	(203.244.835.035)	-
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 1(d))	-	-	-	-	-	1.215.206.180.000	1.215.206.180.000
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	22.540.000.000	22.540.000.000
Thay đổi do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	51.183.119	-	(51.183.119)	-	-
Biến động khác	-	-	-	-	(1.242.000)	-	(1.242.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	631.010.000.000	152.765.010.503	(87.031.904.704)	95.221.334.196	556.641.650.889	1.485.933.972.676	2.834.540.063.560

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6.21. VỐN CỔ PHẦN

Đơn vị: VND

31/12/2021 và 1/1/2021

	SỐ CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ
Vốn cổ phần được duyệt	63.101.000	631.010.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	631.010.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.101.000	631.010.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Chi tiết vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

Đơn vị: VND

31/12/2021 và 1/1/2021

	GIÁ TRỊ	%
Công ty Cổ phần GTNfoods	470.031.360.000	74,49%
Các cổ đông khác	160.978.640.000	25,51%
	631.010.000.000	100,00%

6.22. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

6.23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Đơn vị: VND

	31/12/2021	01/01/2021
Trong vòng một năm	12.458.509.894	7.025.509.799
Từ hai đến năm năm	46.723.499.601	27.176.645.615
Trên năm năm	351.476.831.949	156.884.349.562
	410.658.841.444	191.086.504.976

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

Đơn vị: VND

	NGUYÊN NHÂN XÓA SỔ	NĂM XÓA SỔ	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu cán bộ công nhân viên – Chi nhánh Tam Đảo	Nợ xấu không có khả năng thu hồi	2021	1.064.283.618	-
Phải thu về cho vay công ty Cổ phần Gà giống Châu Thành	Chênh lệch số liệu ghi nhận giữa hai bên và nợ không có khả năng thu hồi	2021	150.000.000	-
Phải thu công ty Cổ phần XNK Bình Định	Nợ xấu không có khả năng thu hồi	2021	37.439.991	-
			1.251.723.609	-

6.24. DOANH THU BÁN HÀNG

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đơn vị: VND

	2021	2020
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	2.879.485.974.765	2.786.402.662.908
Doanh thu bán hàng hóa	42.126.407.104	26.737.197.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.662.972.593	13.430.510.353
Doanh thu khác	1.106.662.733	1.823.978.838
	2.930.382.017.195	2.828.394.349.413
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(493.094.566)	-
Chiết khấu thương mại	(1.637.183.706)	(2.606.681.764)
	(2.130.278.272)	(2.606.681.764)
Doanh thu thuần	2.928.251.738.923	2.825.787.667.649

6.25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: VND

	2021	2020
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Thành phẩm đã bán	1.977.567.180.388	1.896.339.972.314
Hàng hóa đã bán	37.363.436.588	24.739.635.703
Dịch vụ đã cung ứng	6.000.385.609	10.734.652.512
Giá vốn khác	6.288.537.891	3.436.364.186
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.491.245.735	988.044.045
	2.028.710.786.211	1.936.238.668.760



6.26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	2021	2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	118.009.263.336	67.193.095.754
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.395.953.980	7.569.366.956
Lãi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn	291.222.671	11.945.413.793
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.328.000	8.134.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	558.249.244	9.937.216
	125.260.017.231	86.725.947.719

6.27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	2021	2020
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	6.325.491.549	2.541.162.866
Chi phí lãi vay	162.698.449	-
Lỗ chuyển nhượng phần vốn góp	-	709.980.131
Lỗ chênh lệch tỷ giá	133.662.305	-
Khác	203.555.909	64.215.260
	6.825.408.212	3.315.358.257

6.28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: VND

	2021	2020
Chi phí nhân công	31.586.369.657	35.481.840.782
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.137.653	2.733.290.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	496.921.127	534.749.027
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	526.624.767.976	501.963.553.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.874.833.987	27.826.803.776
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	2.866.124.985	22.942.442.818
Chi phí bằng tiền khác	3.088.141.188	5.149.716.361
	594.762.296.573	596.632.396.883

6.29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	2021	2020
Chi phí nhân công	20.399.156.323	20.800.810.694
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.604.170.532	2.742.463.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.164.286.418	3.103.628.015
Thuế, phí, và lệ phí	4.511.854.164	3.279.725.205
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(1.488.900.000)
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	1.724.739.143	84.011.349
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.980.596.674	5.094.248.308
Chi phí khác	4.861.690.417	5.360.051.006
	52.246.493.671	38.976.037.849

6.30. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VND

	2021	2020
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.974.002.672	3.260.327.544
Tiền phạt, bồi thường thu được	51.584.857	1.029.119.512
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	2.700.000.000	-
Các khoản khác	4.793.483.534	1.551.530.208
	12.519.071.063	5.840.977.264

6.31. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: VND

	2021	2020
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.978.072.684	7.991.805.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.487.214.251	4.210.673.601
Chi phí vắc xin tiêm phòng bò cho các hộ dân	2.613.796.734	1.154.444.850
Các khoản khác	6.039.520.433	1.385.415.243
	24.118.604.102	14.742.338.876



Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6.32. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị: VND

	2021	2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.828.019.477.341	1.746.717.479.759
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	526.463.882.776	501.963.553.436
Chi phí nhân công	128.189.024.975	147.705.660.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.376.915.584	52.453.165.145
Hoàn nhập dự phòng	-	(416.844.606)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.570.629.029	88.840.186.029
Chi phí khác bằng tiền	22.095.468.913	15.681.797.079

6.33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	2021	2020
a. Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	36.310.797.092	21.289.239.426
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Ghi giảm/(hoàn nhập việc ghi giảm) tài sản thuế thu nhập hoãn lại	54.091.117	(2.979.887.983)
	36.364.888.209	18.309.351.443

b. Đối chiếu thuế suất thực tế

Lợi nhuận kế toán trước thuế	359.769.397.684	325.987.046.904
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	71.953.879.537	65.197.409.381
Chi phí không được khấu trừ	2.282.077.110	1.871.985.589
Ưu đãi thuế (*)	(713.416.789)	(1.910.113.066)
Thu nhập được miễn thuế	(37.451.653.671)	(43.577.709.978)
Thu nhập không chịu thuế	(1.065.600)	(1.626.800)
Ảnh hưởng của các bút toán hợp nhất	32.770.380	(3.216.650.778)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	262.297.242	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(53.942.905)
	36.364.888.209	18.309.351.443

c. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Chênh lệch tạm thời	Giá trị tính thuế
Lỗ tính thuế	1.311.486.210	262.297.242

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ
2026	Chưa quyết toán	1.311.486.210

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

d. Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

Theo Nghị định số 406/NQ-UBTVQH15 do Chính phủ ban hành ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2020, Tổng Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế năm 2021 và 2020 do có tổng doanh thu năm 2021, 2020 dưới 200 tỷ VND.

6.34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

	2021	2020
Lợi nhuận thuần trong năm	111.701.896.917	170.118.089.578
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(15.010.235.110)	(20.163.342.201)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	96.691.661.807	149.954.747.377
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	63.101.000	63.101.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.532	2.376

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2021.

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(b) Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2020. Theo đó, Tổng Công ty đã phân bổ thêm vào quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 với số tiền 5.493.042.045 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 thuộc về cổ đông phổ thông để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi như sau:

Đơn vị: VND

	THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY	ĐIỀU CHỈNH	ĐÃ ĐIỀU CHỈNH LẠI
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.463	(87)	2.376

6.35. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Giá trị giao dịch

Đơn vị: VND

	2021	2020
Công ty mẹ cao cấp nhất		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa	472.799.393.417	206.311.293.766
Mua nguyên vật liệu	12.487.655.953	4.505.918.693
Cổ tức	24.344.475.000	-
Hàng hóa được cho, tặng	2.493.344	-
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần GTNfoods</i>		
Cổ tức	101.847.879.100	28.201.881.600
Công ty liên kết		
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua nguyên vật liệu	15.057.905.000	13.731.451.250
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa	19.145.512.850	1.092.895.919
Bán hàng hóa	78.758.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i>		
Mua hàng hóa	378.106.100	-
Bán hàng hóa	1.149.888.000	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Giống gia súc Miền Trung (*)</i>		
Cổ tức được chia	-	121.500.000

(*) Công ty này là công ty liên quan của Tổng Công ty đến ngày 8 tháng 4 năm 2021, do đó Tổng Công ty không trình bày giao dịch với công ty này trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là giao dịch với bên liên quan.

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt
Thành viên Hội đồng quản trị

Tổng thù lao	
Bà Mai Kiều Liên – Chủ tịch	96
Ông Trịnh Quốc Dũng – Thành viên (i)	72
Ông Trần Chí Sơn – Thành viên	72

Ban Kiểm soát

Tổng thù lao	
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng Ban kiểm soát	72
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	48
Ông Trịnh Công Tuyển – Thành viên	48

Tổng Giám đốc

Tiền lương trung bình một tháng	
Ông Trịnh Quốc Dũng	21

Những người quản lý khác

Tiền lương trung bình một tháng cho một người	
Các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Tài chính	9



Mẫu B 09 - DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

6.36. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

	2021	2020
Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong năm	26.028.033.355	-
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	150.000.000	-

6.37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN CÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án sáp nhập và dự thảo hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods, công ty mẹ của Tổng Công ty, vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu GTN đang lưu hành. Tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu Tổng Công ty). Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Tổng Công ty và GTN đã ký hợp đồng sáp nhập thay thế hợp đồng sáp nhập đã ký ngày 9 tháng 4 năm 2021. Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước đã chấp thuận cho Tổng công ty đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo Hợp Đồng Sáp Nhập Công ty Cổ phần GTNfoods. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phát hành thêm 156.250.000 cổ phiếu cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ số cổ phiếu GTN đang lưu hành theo tỉ lệ hoán đổi nêu trên. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện hoán đổi cổ phiếu là ngày 9 tháng 3 năm 2022.

6.38. THÔNG TIN SO SÁNH

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện tại, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thực hiện phân loại lại khoản mục trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Khoản phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi từ tài khoản phải trả ngắn hạn khác sang tài khoản chi phí phải trả ngắn hạn;

Theo đó, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 đã được phân loại lại như sau:

Đơn vị: VND

	THEO BÁO CÁO TRƯỚC ĐÂY	ĐIỀU CHỈNH	ĐÃ ĐIỀU CHỈNH LẠI
Phải trả ngắn hạn khác	21.121.726.557	(10.578.221.508)	10.543.505.049
Chi phí phải trả ngắn hạn	51.784.583.334	10.578.221.508	62.362.804.842

Hoàng Thị Hà
Kế toán trưởng/Người lập biểu
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP (VILICO)

Địa chỉ: 519 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 3862 6769 | **Tax:** 024 3862 2645 | **Website:** www.vilico.vn